

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: TÂM LÝ HỌC
Mã số: 7310401
Tên cơ sở đào tạo: ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2019

MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

| STT | NỘI DUNG | TRANG |
|-----|--|-------|
| 1 | Tờ trình mở ngành đào tạo | |
| 2 | Báo cáo quá trình xây dựng đề án | |
| 3 | Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường | |
| 4 | Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Thiết kế đồ họa, Quốc tế học, Văn học, Tâm lý học, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ kỹ thuật ô tô. | |
| 5 | Phụ lục I - Chương trình đào tạo | |
| | Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện | |
| | Phụ lục III - Đề án mở ngành | |
| | Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên | |
| | Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành | |
| 6 | chứng về nhu cầu xã hội (Phiếu khảo sát) Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động | |
| 7 | Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo Kết luận của Hội đồng thẩm định | |

Bình Dương, ngày 11 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
Tên ngành: Tâm lý học; Mã số: 7310401
Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, đến mọi ngành nghề. Trong đó, giáo dục và đào tạo cũng không nằm ngoài những tác động đó. Trước áp lực của công việc và đáp ứng nhu cầu của xã hội có ảnh hưởng đến toàn cầu. Đặc biệt là nhu cầu nguồn lực trong khu vực.

Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) ra đời vào cuối năm 2015, tạo cơ hội lớn cho dịch chuyển nguồn lao động có trình độ, song mặt khác cũng đặt ra những thách thức lớn bởi tính cạnh tranh của thị trường lao động. Theo kết quả khảo sát của ILO và Ngân hàng Phát triển Châu Á về sự thay đổi thị trường lao động ASEAN sau sự ra đời của Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào cuối năm 2015, AEC sẽ tạo thêm 14 triệu việc làm ở khu vực ASEAN, trong đó Việt Nam chiếm 1/6 tổng lực lượng lao động của khu vực. Tuy nhiên, điểm yếu của lao động Việt Nam chính là thiếu kỹ năng mềm như điều phối và làm việc theo nhóm, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp...

Đón đầu xu thế, ngày 09/6/2014, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 879/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quyết định số 880/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài đều được huy động để phát triển, tái cơ cấu ngành kinh tế, dịch vụ theo hướng hiện đại; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, kĩ luật, năng lực sáng tạo; điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đặc biệt, ngày 18/12/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông với các nội dung như:

1. *Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.*

2. *Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.*

3. *Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.*

4. *Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp (tùy theo cấp học).*

5. *Tham vấn tâm lý đối với học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.*

Chính vì vậy, Trường Đại học Thủ Dầu Một xin mở ngành Tâm lý học có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn hiện nay nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Bình Dương là một tỉnh lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ trung tâm kinh tế, văn hóa hàng đầu Việt Nam. Nhu cầu nhân lực của Bình Dương nói riêng và Vùng kinh tế lân cận nói chung là rất lớn.

Thực tế cho thấy, nhu cầu lao động đối với lĩnh vực này là không nhỏ, nghiên cứu thị trường để đào tạo những ngành phù hợp với nhu cầu của xã hội có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong các ngành thuộc khoa học Xã hội và Nhân văn, Tâm lý học luôn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội. Hiện nay, việc đào tạo ngành Tâm lý học bậc đại học ở Trường Đại học Thủ Dầu Một có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn nhằm đáp ứng nhu cầu lớn của doanh nghiệp, phục vụ trực tiếp cho giáo dục địa phương và các vùng lân cận. Hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu tập trung vào hai cơ sở đào tạo công lập lớn: Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học Quốc Gia và Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, gần đây trường Đại học Sài Gòn cũng mở đào tạo ngành Tâm lý học. Mỗi đơn vị đào tạo trên, mỗi năm tuyển được khoảng 150 sinh viên. Ngoài ra còn có trường Đại học Văn Hiến, Đại học công nghệ thành phố Hồ Chí Minh là các đơn vị ngoài công lập mở đào tạo ngành Tâm lý học với qui mô tương tự. Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đào tạo ngành Tâm lý học đi theo các chuyên ngành như: chuyên ngành tâm lý – giáo dục, chuyên ngành tâm lý lâm sàng (trị liệu), chuyên ngành tâm lý học tham vấn (tham vấn tâm lý) và chuyên ngành tâm lý học Nhân sự - Doanh nghiệp. Mỗi cơ sở đào tạo đều có thế mạnh nhất định và đào tạo các hướng như: hướng sư phạm, hướng nghiên cứu, hướng thực hành ứng dụng. Sinh viên ngành Tâm lý học ra trường đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm trong xã hội như: chuyên viên tham vấn, trị liệu tâm lý, chuyên viên tâm lý học nhân sự, giảng viên tâm lý và các vị trí công tác khác trong các tổ chức sự nghiệp, kinh tế, xã hội khác nhau. Tuy nhiên, số sinh viên ra trường vẫn chưa đáp ứng hết được nhu cầu của xã hội, đặc biệt ở Bình Dương còn thiếu hụt rất lớn, mặt khác trong những năm gần đây các cơ sở đào tạo tuyển sinh học sinh theo học ngành Tâm lý học luôn ổn định và phát triển, điều này cho thấy ngành tâm lý học là một ngành đang rất phát triển và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Với một thành phố lớn với qui mô và phát triển như hiện nay và trong tương lai đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày phát triển, các rối loạn tâm lý, khủng hoảng tâm lý học đường, bạo lực học đường, tâm lý gia đình, tâm lý người lao động với tỷ lệ ngày một tăng, do đó nhu cầu chăm sóc tinh thần và phục hồi chức năng tâm lý của người dân ngày càng tăng cao, vì vậy, ngành Tâm lý học ngày càng có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở này, chúng tôi cho rằng, việc mở ngành Tâm lý học theo hướng ứng dụng để giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội đang đặt ra là cần thiết.

Từ những nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, thực tiễn đào tạo trong nước và năng lực của trường, Đại học Thủ Dầu Một mong muốn mở ngành đào tạo Tâm lý học, hệ đại học chính quy.

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Tâm lý học, chúng tôi có tham khảo chương trình ngành Tâm lý học của các trường Đại học trong nước như: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường đại học sư phạm Hà Nội 1; Trường Đại học sư phạm Huế; Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và các trường Đại học nước ngoài như: BriHam Young University; Coastal Carolina University; Florida Atlantic University; Université de Lausanne; Moncton University; Old Dominion University; Saint

Joseph's University; Thammasat University. Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học của các trường đại học trong và ngoài nước từ 120 đến 140 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học của Đại học Thủ Dầu Một gồm 120 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung: 21 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành: 74 tín chỉ, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp: 25 tín chỉ. Thời gian đào tạo ngành Tâm lý học trong 3.5 năm.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 12 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy... đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 120 đến 150 sinh viên ngành Tâm lý học mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất đặc biệt là thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành Tâm lý học theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Tâm lý học đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đúng chuyên ngành và có chuyên môn sâu về tâm lý học. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục – Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Tâm lý học trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Tâm lý học phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

Bình Dương, ngày 20 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH TÂM LÝ HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo ngành Tâm lý học trình độ Đại học của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHTDM ngày 30 tháng 1 năm 2019 thành lập tổ soạn thảo Chương trình đào tạo.

Lãnh đạo Khoa Khoa học quản lý đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và Nhóm chủ trì soạn thảo thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Khoa tiến hành xây dựng đề án theo các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

Cụ thể:

1. Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành lân cận.

2. Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đồng thời so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.

3. Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.

4. Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Tâm lý học trình độ đại học theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

Kính trình Lãnh đạo Trường hoàn tất hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đăng ký mở ngành đào tạo.

P. TRƯỞNG KHOA

TỔ TRƯỞNG

(đã ký)

(đã ký)

TS. Đinh Thanh Sang

TS. Đồng Văn Toàn

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
THÔNG QUA HỒ SƠ MỞ NGÀNH CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC
MÃ NGÀNH 7310401**

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h00 ngày 1 tháng 3 năm 2019
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- Theo Quyết định số 271 QĐ-ĐHTDM ngày 28/2/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng khoa học thông qua hồ sơ mở ngành cử nhân tâm lý học thẩm định hồ sơ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Hồ sơ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Tâm lý học.

Hội đồng thẩm định có kết luận như sau:

| T T | Nội dung thẩm định | Nhận xét của thành viên Hội đồng | Kết luận (đạt hay không đạt yêu cầu) |
|----------------|---|--|---|
| 1 | Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo | Phù hợp với nhu cầu nhân lực địa phương và khu vực phía đang thực sự rất cần và thiếu. | Đạt |
| 2 | Mục tiêu của chương trình đào tạo | Cụ thể, rõ ràng từng tiêu chí, đảm bảo được chuẩn đầu ra của chương trình và vị trí việc làm cho người học như mong đợi. | Đạt |

| | | | |
|---|---|--|-----|
| 3 | <p>Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; - Thời lượng của từng học phần; - Sự phù hợp và cân đối giữa lý thuyết và thực hành. | <ul style="list-style-type: none"> -Các học phần được sắp xếp đúng trình tự chuyên môn từ cơ bản đến nâng cao, từ chuyên môn ngành và liên ngành song song bổ trợ nhau để đạt chuẩn đầu ra như mong đợi. -Thời lượng từng học phần đúng theo quy định và phù hợp với nội dung bên trong. | Đạt |
| 4 | Thời lượng của chương trình đào tạo | Thời lượng của chương trình đào tạo: 4 năm (8 học kì) phù hợp với kết cấu chương trình và bảo đảm đạt đúng mục tiêu đào tạo. | Đạt |
| 5 | Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và tỉnh Bình Dương) | <ul style="list-style-type: none"> -Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra mong đợi. - Xác định rõ được mục tiêu là tâm lý học ứng dụng có tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của khu vực Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. | Đạt |

2) Lấy biểu quyết

Góp ý khác: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.
100% các thành viên Hội đồng khoa học nhất trí thông qua hồ sơ mở ngành cử nhân tâm lý học.

Cuộc họp kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

TS. Ngô Hồng Điệp

ThS. Lê Thị Kim Út

Số: 01 /NQ-HĐTr

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc mở ngành mới

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
NHIỆM KỲ 1, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTr, ngày 08/12/2017 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030 và Tờ trình số 45/TTr-ĐHTDM, ngày 27/12/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc mở ngành mới,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc mở 06 ngành đào tạo trình độ Đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, bao gồm: Thiết kế đồ họa (Mã ngành II: 7210403), Quốc tế học (Mã ngành VII: 7310601), Văn học (Mã ngành VII: 7229030), Tâm lý học (Mã ngành VII: 7310401), Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Mã ngành V: 7510606), Công nghệ kỹ thuật ô tô (Mã ngành V: 7510205).

Thời gian thực hiện: năm 2019.

Điều 2. Giao Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở ngành theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một kỳ họp thứ ba thông qua ngày 22/01/2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO¹

| | |
|---------------------------|--------------------|
| Tên chương trình: | Cử nhân Tâm lý học |
| Trình độ đào tạo: | Đại học |
| Ngành đào tạo: | Tâm lý học |
| Mã ngành: | 7310401 |
| Loại hình đào tạo: | Chính quy |
| Khóa: | 2019 – 2023 |

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chương trình

- PO1: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng, cơ bản về tâm lý học; kiến thức chuyên sâu, hiện đại về tham vấn tâm lý và trị liệu tâm lý.
- PO2: Hình thành và phát triển ở người học kỹ năng thực hành tâm lý phục vụ việc ứng dụng tâm lý học vào cuộc sống.
- PO3: Hình thành và phát triển ở người học ý thức trách nhiệm, cầu thị trong học tập và trong hoạt động nghề nghiệp.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:

| Nội dung | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo |
|-----------|--|
| Kiến thức | ELO1: Áp dụng được những kiến thức về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn,... vào việc tìm hiểu, nghiên cứu và giải thích các hiện tượng tâm lý người. |
| | ELO2: Vận dụng được các kiến thức về tham vấn tâm lý, trị liệu tâm lý vào việc nhận diện, phân tích và giải quyết những vấn đề về sức khỏe tâm thần của con người. |
| | ELO3: Vận dụng được các kiến thức về tham vấn tâm lý, trị liệu tâm lý vào việc thiết kế và tổ chức các kế hoạch, hoạt động phòng ngừa, can thiệp và điều trị các vấn đề về sức khỏe tâm thần của con người. |
| Kỹ năng | ELO4: Thể hiện được năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và phản biện trong nghề nghiệp ở các bối cảnh xã hội. |
| | ELO5: Thể hiện được năng lực ngoại ngữ và tin học trong hoạt động nghề nghiệp ở các bối cảnh xã hội. |
| | ELO6: Thể hiện được năng lực nhận diện, đo lường, đánh giá tâm lý và năng lực sử dụng các liệu pháp tâm lý trong việc hỗ trợ, điều trị các vấn đề về sức khỏe tâm thần. |

¹ Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| | |
|------------------------------|--|
| | ELO7: Thiết kế được các kế hoạch can thiệp, điều trị những rối nhiễu tâm lý của con người phù hợp với bối cảnh xã hội. |
| | ELO8: Xây dựng và phát triển các chương trình phòng ngừa, hỗ trợ việc chăm sóc sức khỏe tâm thần phù hợp với bối cảnh xã hội. |
| Thái độ và phẩm chất đạo đức | ELO9: Tôn trọng và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp. |
| | ELO10: Sẵn sàng và nghiêm túc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghề nghiệp. |
| | ELO11: Cầu thị và thích ứng trước những thay đổi và làm việc trong môi trường đa văn hóa, đa lĩnh vực. |

1.3. Cơ hội việc làm

1.3.1. Vị trí công tác

- Giảng dạy tâm lý học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các viện nghiên cứu về tâm lý con người;
- Nghiên cứu khoa học tâm lý tại các viện, các trung tâm khoa học, trung tâm tham vấn tâm lý, các sở ban ngành, các cơ quan hoạch định chính sách – chiến lược, bộ phận nghiên cứu tâm lý khách hàng cho các công ty;
- Tham vấn tâm lý tại các trường học, cơ quan, công ty, bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe tinh thần, trung tâm dưỡng lão, trung tâm điều trị bệnh nhân nhiễm HIV, trung tâm cai nghiện và các trường giáo dưỡng;
- Tư vấn các vấn đề nhân sự, tổ chức lao động và nghiên cứu tâm lý tư vấn cho khách hàng tại các cơ sở ban ngành, các công ty và các tổ chức lao động khác.

1.3.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ các chuyên ngành tâm lý học.

1.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học và kỹ năng mềm

Đạt trình độ ngoại ngữ TOEFL iBT: 45 hoặc TOEIC: 450 hoặc IELTS: 4.5 hoặc EBT-UTDM: 45 (bậc 3) hoặc DELF: B1 (bậc 3) hoặc HSK: B1 (bậc 4)

Hoàn thành chứng chỉ Kỹ năng xã hội (trong đó có 3 kỹ năng bắt buộc: kỹ năng giao tiếp thành công trong công sở, kỹ năng khám phá và phát triển bản thân, kỹ năng tìm việc, viết CV và trả lời phỏng vấn; và 2 kỹ năng tự chọn)

1.5. Bằng cấp

Cử nhân Tâm lý học

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo là 4 năm (8 học kỳ).

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng đơn vị tín chỉ)

Được tính bằng đơn vị tín chỉ: 120 tín chỉ không kể phần kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam tốt nghiệp Trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo thời gian 4 năm theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 890/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 04/8/2016.

6. Thang điểm

Theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Quyết định số 890/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 04/8/2016.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung các học phần tính theo hệ số (trừ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh đã cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo

| Trình độ đào tạo | Thời gian đào tạo | Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ) | Kiến thức đại cương | Kiến thức giáo dục chuyên ngành | | |
|------------------|-------------------|--|---------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------------------|
| | | | | 96 | | |
| | | | | Kiến thức cơ sở ngành | Kiến thức chuyên ngành | Thực tập và báo cáo tốt nghiệp |
| Đại học | 4 năm | 120 | 24 | 44 | 33 | 19 |

7.1. Kiến thức đại cương: 24 TC Bắt buộc

| Số TT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Số tiết | | | Loại HP | | Điều kiện | | Học kỳ (dự kiến) |
|-------|-------|--------------------------------|------------|-----------|-------------------------|--|----------|---------|-----------|-----------|---------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước | Song hành | |
| 1 | DC108 | Triết học Mác – Lênin | 3 | 3 | 0 | | X | | | | 2 |
| 2 | DC109 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 3 |
| 3 | DC110 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 2 |
| 4 | DC111 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 3 |
| 5 | DC080 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 3 |
| 6 | DC077 | Tư duy biện luận sáng tạo | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 1 |
| 7 | | Giáo dục học đại cương | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 1 |
| 8 | | Nhập môn nghiên cứu khoa học | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 1 |
| 9 | | Lý luận giáo dục | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 1 |
| 10 | | Nhập môn ngành Tâm lý học | 2 | 2 | 0 | | X | | | | 1 |
| 11 | | Tâm lý học đại cương | 3 | 3 | 0 | | X | | | | 2 |

7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 44 TC (Bắt buộc: 34 TC; Tự chọn: 10 TC)

| Số TT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Số tiết | | Loại HP | | Điều kiện | | Học Kỳ (dự kiến) |
|-------|-------|---|------------|-----------|-------------------------|----------|---------|-----------|-----------|---------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước | Song hành | |
| 1 | | Tâm lý học thần kinh | 3 | 3 | 0 | X | | | | 1 |
| 2 | | Lịch sử Tâm lý học | 2 | 2 | 0 | X | | | | 2 |
| 3 | | Thực hành phương pháp nghiên cứu Tâm lý học | 2 | 0 | 2 | X | | | | 2 |
| 4 | | Tâm lý học nhận thức | 3 | 3 | 0 | X | | | | 3 |
| 5 | | Tâm lý học nhân cách | 2 | 2 | 0 | X | | | | 3 |
| 6 | | Tâm lý học phát triển | 3 | 3 | 0 | X | | | | 2 |
| 7 | | Tâm lý học xã hội | 2 | 2 | 0 | X | | | | 2 |
| 8 | | Trắc nghiệm và chẩn đoán tâm lý | 2 | 2 | 0 | X | | | | 3 |
| 9 | | Tham vấn tâm lý | 3 | 3 | 0 | X | | | | 3 |
| 10 | | Ứng dụng thống kê trong nghiên cứu TLH | 2 | 0 | 2 | X | | | | 4 |
| 11 | | Tâm bệnh học | 2 | 2 | 0 | X | | | | 4 |
| 12 | | Thực hành Tâm bệnh học | 1 | 0 | 1 | X | | | | 4 |
| 13 | | Tâm lý học lâm sàng | 2 | 2 | 0 | X | | | | 4 |
| 14 | | Thực hành Tâm lý học lâm sàng | 1 | 0 | 1 | X | | | | 4 |
| 15 | | Tâm lý học giao tiếp | 2 | 2 | 0 | X | | | | 4 |
| 16 | | Tâm lý học ứng xử | 2 | 2 | 0 | X | | | | 7 |
| | | Môn tự chọn | | | | | | | | |
| 1 | | Tâm lý học lao động hướng nghiệp | 2 | 2 | 0 | | X | | | 4 |
| 2 | | Tâm lý học giới tính | 2 | 2 | 0 | | X | | | 6 |
| 3 | | Tâm lý học quản lý | 2 | 2 | 0 | | X | | | 3 |
| 4 | | Tâm lý học gia đình | 2 | 2 | 0 | | X | | | 4 |
| 5 | | Tâm lý học truyền thông giao tiếp | 2 | 2 | 0 | | X | | | 4 |
| 6 | | Tâm lý học sáng tạo | 2 | 2 | 0 | | X | | | 3 |
| 7 | | Quan hệ công chúng | 2 | 2 | 0 | | X | | | 3 |
| 8 | | Đạo đức nghề nghiệp | 2 | 2 | 0 | | X | | | 7 |

7.3. Kiến thức chuyên ngành: 33 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 5 TC)

| Số TT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Số tiết | | Loại HP | | Điều kiện | | Học kỳ (dự kiến) |
|-------|-------|--|------------|-----------|-------------------------|----------|---------|-----------|-----------|---------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước | Song hành | |
| 1 | | Liệu pháp trị liệu tâm lý | 2 | 2 | 0 | X | | | | 7 |
| 2 | | Thực hành Liệu pháp trị liệu tâm lý | 1 | 0 | 1 | X | | | | 7 |
| 3 | | Can thiệp và trị liệu tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 2 | 0 | X | | | | 5 |
| 4 | | Thực hành Can thiệp và trị liệu tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 0 | 2 | X | | | | 5 |
| 5 | | Lượng giá và can thiệp cho HS gặp khó khăn trong học tập | 2 | 2 | 0 | X | | | | 5 |
| 6 | | Thực hành lượng giá và can thiệp cho HS gặp khó khăn trong học tập | 2 | 0 | 2 | X | | | | 5 |
| 7 | | Lý thuyết về kỹ năng tham vấn tâm lý | 2 | 2 | 0 | X | | | | 5 |
| 8 | | Thực hành kỹ năng tham vấn tâm lý | 1 | 0 | 1 | X | | | | 5 |
| 9 | | Tham vấn học đường | 2 | 2 | 0 | X | | | | 6 |
| 10 | | Thực hành tham vấn học đường | 2 | 0 | 2 | X | | | | 6 |
| 11 | | Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình | 2 | 2 | 0 | X | | | | 7 |
| 12 | | Thực hành tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình | 1 | 0 | 1 | X | | | | 6 |
| 13 | | Tham vấn tâm lý cho trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 2 | 0 | X | | | | 6 |
| 14 | | Thực hành tham vấn tâm lý cho trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 0 | 2 | X | | | | 6 |
| 15 | | Tìm hiểu thực tế cơ sở | 3 | 0 | 3 | X | | | | 4 |
| | | Môn tự chọn | | | | | | | | |
| 1 | | Tham vấn hôn nhân gia đình | 2 | 2 | 0 | | X | | | 6 |

| Số TT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Số tiết | | Loại HP | | Điều kiện | | Học kỳ (dự kiến) |
|-------|-------|---|------------|-----------|-------------------------|----------|---------|-----------|-----------|---------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước | Song hành | |
| 2 | | Tâm bệnh học cho trẻ em và thanh niên | 2 | 2 | 0 | | X | | | 5 |
| 3 | | Thực hành Tâm bệnh học cho trẻ em và thanh niên | 1 | 0 | 1 | | X | | | 5 |
| 4 | | Giáo dục giá trị và kỹ năng sống | 2 | 2 | 0 | | X | | | 7 |
| 5 | | Tâm lý học văn hóa | 2 | 2 | 0 | | X | | | 5 |

7.4. Kiến tập, thực tập; báo cáo tốt nghiệp và các học phần thay thế: 19 TC Bắt buộc

| Số TT | Mã HP | Tên học phần | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ | | Loại HP | | Điều kiện | | Học kỳ (dự kiến) |
|---|-------|---|-----------------|------------|-------------------------|----------|---------|-----------|-----------|---------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành Thí nghiệm | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước | Song hành | |
| 1 | | Thực tập 1 | 2 | 0 | 2 | X | | | | 3 |
| 2 | | Thực tập 2 | 3 | 0 | 2 | X | | | | 5 |
| 3 | | Thực tập 3 | 4 | 0 | 5 | X | | | | 6 |
| 4 | | Thực tập tốt nghiệp | 5 | 0 | 5 | X | | | | 8 |
| 5 | | Báo cáo tốt nghiệp | 5 | 0 | 5 | X | | | | 8 |
| Các học phần thay thế báo cáo tốt nghiệp | | | | | | | | | | |
| 1 | | Tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | 3 | 0 | 3 | X | | | | 8 |
| 2 | | Tâm lý học lệch chuẩn | 2 | 0 | 2 | X | | | | 8 |

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/ tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|-----|-------|------------------------|------------|---------|----|-----------------------------|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Giáo dục học đại cương | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 2 | | Tâm lý học thần kinh | 3 | 3 | 0 | | BB |

| | | | | | | | |
|---------------------------------|--|------------------------------|-----------|-----------|----------|------------------------|----|
| 3 | | Tư duy biện luận sáng tạo | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 4 | | Nhập môn ngành Tâm lý học | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 5 | | Nhập môn nghiên cứu khoa học | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 6 | | Lý luận giáo dục | 2 | 2 | 0 | Giáo dục học đại cương | BB |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 13 | 13 | 0 | | |

Học kỳ 2

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiền quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|---|------------|-----------|----------|--|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | DC108 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 | | BB |
| 2 | DC110 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 3 | | Tâm lý học đại cương | 3 | 3 | 0 | Nhập môn ngành Tâm lý học | BB |
| 4 | | Lịch sử tâm lý học | 2 | 2 | 0 | Nhập môn ngành Tâm lý học | BB |
| 5 | | Thực hành phương pháp nghiên cứu Tâm lý học | 2 | 0 | 2 | Tâm lý học đại cương; Nhập môn NCKH | BB |
| 6 | | Tâm lý học xã hội | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | BB |
| 7 | | Tâm lý học phát triển | 3 | 3 | 0 | Tâm lý học đại cương | BB |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 17 | 15 | 2 | | |

Học kỳ 3 (Tự chọn 4 TC; chọn 2 trong 3 học phần)

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiền quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|-----|-------|---------------------------------|------------|---------|----|----------------------------|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Tâm lý học nhân cách | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | BB |
| 2 | | Trắc nghiệm và chẩn đoán tâm lý | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhân cách | BB |
| 3 | DC109 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 | 2 | 0 | Triết học Mác - Lênin | BB |

| | | | | | | | |
|---------------------------------|-------|--------------------------|--------------|--------------|----------|---------------------------|----|
| 4 | DC080 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | BB |
| 5 | DC111 | Lịch sử Đảng CS Việt Nam | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 6 | | Tham vấn tâm lý | 3 | 3 | 0 | Tâm lý học nhận thức | BB |
| 7 | | Tâm lý học nhận thức | 3 | 3 | 0 | Tâm lý học đại cương | BB |
| 8 | | Tâm lý học quản lý | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | TC |
| 9 | | Tâm lý học sáng tạo | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | TC |
| 10 | | Quan hệ công chúng | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học đại cương | TC |
| 11 | | Thực tập 1 | 2 | 0 | 2 | | BB |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 22/24 | 20/22 | 2 | | |

Học kỳ 4 (Tự chọn 4 TC 2 trong 3 học phần)

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|---|--------------|--------------|----------|-----------------------------|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Tâm lý học giao tiếp | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học phát triển | BB |
| 2 | | Tâm bệnh học | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | BB |
| 3 | | Thực hành tâm bệnh học | 1 | 0 | 1 | Tâm bệnh học | BB |
| 4 | | Tâm lý học lâm sàng | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | BB |
| 5 | | Thực hành tâm lý học lâm sàng | 1 | 0 | 1 | Tâm lý học lâm sàng | BB |
| 6 | | Ứng dụng thống kê trong nghiên cứu tâm lý học | 2 | 0 | 2 | Thực hành PP nghiên cứu TLH | BB |
| 7 | | Tâm lý học gia đình | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | TC |
| 8 | | Tâm lý học truyền thông giao tiếp | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | TC |
| 9 | | Tìm hiểu thực tế cơ sở | 3 | 0 | 3 | | BB |
| 10 | | Tâm lý học lao động hướng nghiệp | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | TC |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 17/19 | 12/14 | 5 | | |

Học kỳ 5 (Tự chọn 3 TC; chọn 2 trong 3 học phần)

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|--|--------------|-------------|----------|--|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Lý thuyết về kỹ năng tham vấn tâm lý | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | BB |
| 2 | | Thực hành kỹ năng tham vấn tâm lý | 1 | 0 | 1 | Kỹ năng tham vấn tâm lý | BB |
| 3 | | Lượng giá và can thiệp cho học sinh gặp khó khăn trong học tập | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | BB |
| 4 | | Thực hành lượng giá và can thiệp cho học sinh gặp khó khăn trong học tập | 2 | 0 | 2 | Lượng giá và can thiệp cho học sinh gặp khó khăn trong học tập | BB |
| 5 | | Can thiệp và trị liệu tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | BB |
| 6 | | Thực hành can thiệp và trị liệu tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 0 | 2 | Can thiệp và trị liệu tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | BB |
| 7 | | Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 2 | 0 | Tâm bệnh học | TC |
| 8 | | Thực hành tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên | 1 | 0 | 1 | Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên | TC |
| 9 | | Tâm lý học văn hóa | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học đại cương | TC |
| 10 | | Thực tập 2 | 3 | 0 | 3 | | BB |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 17/19 | 8/10 | 9 | | |

Học kỳ 6 (Tự chọn 2TC; chọn 2 trong 3 học phần)

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|-----|-------|------------------------------|------------|---------|----|----------------------------|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Tham vấn học đường | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | BB |
| 2 | | Thực hành tham vấn học đường | 2 | 0 | 2 | Tham vấn học đường | BB |

| | | | | | | | |
|---------------------------------|--|---|--------------|-------------|----------|-------------------------------------|----|
| 3 | | Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | BB |
| 4 | | Thực hành tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình | 1 | 0 | 1 | Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình | BB |
| 5 | | Tham vấn tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | BB |
| 6 | | Tham vấn hôn nhân gia đình | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý | TC |
| 7 | | Tâm lý học giới tính | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học nhận thức | TC |
| 8 | | Thực tập 3 | 4 | 0 | 4 | | BB |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 15/17 | 8/10 | 7 | | |

Học kỳ 7 (Tự chọn 2TC; chọn 1 trong 2 học phần)

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|--|-------------|------------|----------|--|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Liệu pháp trị liệu tâm lý | 2 | 2 | 0 | Tâm lý học trị liệu | BB |
| 2 | | Thực hành liệu pháp trị liệu tâm lý | 1 | 0 | 1 | Liệu pháp trị liệu tâm lý | BB |
| 3 | | Giáo dục giá trị và kỹ năng sống | 2 | 2 | 0 | Lý luận giáo dục | BB |
| 4 | | Tâm lý học ứng xử | 2 | 2 | 0 | | BB |
| 5 | | Đạo đức nghề nghiệp | 2 | 2 | 0 | Tham vấn tâm lý; Tâm lý học trị liệu | TC |
| 6 | | Thực hành tham vấn tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | 2 | 0 | 2 | Tham vấn tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên | TC |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 9/11 | 6/8 | 3 | | |

Học kỳ 8

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT | | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|--|-------|--|------------|---------|----|----------------------------|------------------|
| | | | | LT | TH | | |
| 1 | | Thực tập tốt nghiệp | 5 | 0 | 5 | | BB |
| 2 | | Báo cáo tốt nghiệp | 5 | 0 | 5 | | BB |
| Các học phần thay thế báo cáo tốt nghiệp (5 TC) | | | | | | | |
| 1 | | Tham vấn cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt | 3 | 0 | 3 | | BB |

| | | | | | | | |
|---------------------------------|--|-----------------------|-----------|----------|-----------|--|----|
| 2 | | Tâm lý học lệch chuẩn | 2 | 0 | 2 | | BB |
| Tổng số tín chỉ học phần | | | 10 | 0 | 10 | | |

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Ngô Hồng Điệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ²
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra
 - Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Chuyên ngành được đào tạo | Năm, nơi tham gia giảng dạy | Đúng/ Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|--|--|---|---------------------------|---|----------------------------|---------|
| Ngành 1 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....) | | | | | | |
| 1 | Đông Văn Toàn Năm sinh: 1981 Phụ trách khoa KHQL | Tiến sĩ (2015) VN | Tâm lý học | 2005 đến 3/2017 CĐSP TT Huế 3/2017 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | | |
| 2 | Nguyễn Văn Thăng Năm sinh: 1977 | Thạc sĩ (2005) VN | Tâm lý học | Từ 2001 đến 2013 công tác tại trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum. Từ 2013 đến nay tại Trường đại | | |

² Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| | | | | | | |
|----|---|-------------------------|------------------|--|--|-----------|
| | | | | học Thủ Dầu Một | | |
| 3 | Đỗ Thị Nga Năm sinh: 1979 | Tiến sĩ (2015) VN | Tâm lý học | 2002 đến 2/2010 CĐSP Bình Phước 3/2010 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | | |
| 4 | Trần Thị Tuyết Mai Sinh năm: 1959 | Tiến sĩ (2010) VN | Quản lý giáo dục | Đại học Thủ Dầu Một | | Ngành gòn |
| 5 | Tạ Thị Thanh Loan Sinh năm: 1982 | Tiến sĩ (2016) TQ | Quản lý giáo dục | 2016 đến nay Đại học Thủ Dầu Một | | Ngành gòn |
| 6 | Nguyễn Thị Nhung Sinh năm: 1988 | Thạc sĩ (2012) VN | Tâm lý học | 2012 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | | |
| 7 | Trịnh Phương Thảo Sinh năm: 1983 | Thạc sĩ (2008) VN | Tâm lý học | 2009 Đại học Thủy Lợi. 2010 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | | |
| 8 | Nguyễn Thị Tuấn Anh. 1983 Phó trưởng bộ môn | Thạc sĩ (2008) VN | Tâm lý học | 10/2004 tại CĐ Sư phạm Bình Dương (nay là Đại học Thủ Dầu Một) | | |
| 9 | Phạm Nguyễn Lan Phương Sinh năm: 1987 | Thạc sĩ (2012) VN | Tâm lý học | 2011 đến nay: ĐH Thủ Dầu Một | | |
| 10 | Trần Kim An Sinh năm: 1986 | Thạc sĩ (2012) VN | Tâm lý học | 3/2010-9/2013: | | |

| | | | | | | | |
|----|--|-------------------------|------------|--|--------------------------------|--|--|
| | | | | Đại học Kinh Tế Tài Chính TP. Hồ Chí Minh. 10/2013 đến nay: Đại học | | | |
| 11 | Trịnh Thị Cẩm Tuyên Sinh năm: 1988 | Thạc sĩ (2013) VN | Tâm học | lý | 2014 đến nay: ĐH Thủ Một | | |
| 12 | Nguyễn Thị Thanh Phương Sinh năm: 1986 | Thạc sĩ (2012) VN | Tâm học | lý | 2012 đến nay: ĐH Thủ Một | | |

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

| Số TT | Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...) | Số lượng | Diện tích (m2) | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy | | | | Đúng/ Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|----------|---|-------------|----------------------|---|-------------|-----------------------------------|----------------------|--|------------|
| | | | | Tên thiết bị | Số lượng | Phục vụ học phần/môn học | Diện tích (m2) | | |
| 1 | Phòng học | 50 | 2.550 chỗ ngồi | | | | | | |
| 2 | Giảng đường | 14 | 1.680 chỗ ngồi | | | | | | |
| 3 | Hội trường | 02 | 750 chỗ ngồi | | | | | | |
| 4 | Phòng Hội thảo | 05 | 200 chỗ ngồi | | | | | | |
| 5 | Phòng thực hành máy và Internet | 05 | 222 máy | | | | | | |
| 06 | Phòng thí nghiệm, thực nghiệm | 17 | 300 chỗ ngồi | | | | | | |

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

| Số TT | Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành | Diện tích (m ²) | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành | | | Đúng/ Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|-------|---|-----------------------------|--|----------|--|----------------------------|---------|
| | | | Tên thiết bị | Số lượng | Phục vụ môn học /học phần | | |
| 1 | Thực tập môn sinh | | - - - | 04 | - Phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật - Phòng di truyền vệ sinh - Phòng thực tập động vật - Phòng thực tập thực vật | | |
| 2 | Thực tập môn hóa | | - - - | 05 | - Thực hành: Hóa phân tích, Hóa hữu cơ, Hóa lý, Hóa đại cương, Hóa vô cơ | | |
| 3 | Thực tập môn lý | | | 02 | -Thực hành lý 1 - Thực hành lý 2 | | |
| 4 | Thực hành Công nghệ thông tin | | | 07 | | | |
| 5 | Xây dựng | | | 03 | -Thực hành trắc địa -Vật liệu xây dựng trắc địa -Địa kỹ thuật | | |
| 6 | Điện – Điện tử | | | 04 | -Điện –điện tử cơ bản -Mô phỏng và truyền thông -Điện công nghiệp | | |
| 7 | Môi trường | | | 05 | -Môi trường 1 -Môi trường 2 -Môi trường 3 | | |
| 8 | Phòng thí nghiệm – thực | | | 02 | Thực hành mùa | | |

| | | | | | | | |
|-----|-------------------|--|--|--|----------------|--|--|
| | hành nhóm sự phạm | | | | Thực hành nhạc | | |
| ... | | | | | | | |

2.3. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 252 m²; trong đó diện tích phòng đọc: 100 m²
- Số chỗ ngồi: 100; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 32
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 do công ty Tinh Vân cung cấp
- Số lượng sách, giáo trình: 7596 đầu sách, 90.694 bản sách.
- Sách, giáo trình điện tử: 1.887

Ngoài ra, Thư viện còn có 3.110 file bài trích toàn văn báo - tạp chí các lĩnh vực và mua quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu trong ngoài nước: Proquest central, Credo Reference, SpringerLink, Tài liệu KH&CN VN, Báo cáo kết quả NCKH đề tài các cấp, Tailieu.vn

- Lượng truy cập trung bình 429 lượt/ngày.

- Liên thông trao đổi: Thư viện có 1.272 ebook nằm trên trang Tailieu.vn (<http://elib.tdmu.edu.vn/>) có trao đổi với hơn 50 trường ĐH, CĐ cùng mua CSDL của Tailieu.vn.

2.4 Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

| Số TT | Tên giáo trình | Tên tác giả | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Số bản | Tên môn học/học phần | Đúng/ Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------|--------|----------------------------|----------------------------|---------|
| 9 | Giáo dục học đại cương | Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê | Giáo dục | 1997 | 1 | Giáo dục học đại cương | | |
| 10 | Giao tiếp sư phạm | Hoàng Anh, Vũ Kim Thành | Giáo dục | 1995 | 1 | Giao tiếp - ứng xử sư phạm | | |
| 11 | Giáo trình giáo dục học nghề nghiệp | Nguyễn Đức Trí | Giáo dục | 2011 | 1 | | | |
| 15 | Tâm lý học ứng xử | Lê Thị Bùng - Hải Vang | Giáo dục | 1997 | 1 | Kỹ năng giao tiếp | | |
| 16 | Giáo trình tham vấn tâm lý | Trần Thị Minh Đức | ĐH Quốc gia Hà Nội | 2014 | 1 | | | |
| 18 | Tiếng Việt thực hành và soạn | Nguyễn Công Đức (chủ biên) | NXB Đại học Quốc gia-Tp Hồ Chí Minh | 2003 | 1 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | | |

| | | | | | | | | |
|----|--|----------------------------|-------------------------------------|------|---|---|--|--|
| | thảo văn bản | | | | | | | |
| 19 | Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản | Lê Văn In | NXB Đại học Quốc gia-Tp Hồ Chí Minh | 2012 | 1 | | | |
| 20 | Cẩm nang tư duy phản biện | Richard Paul - Linda Elder | Tổng hợp TpHCM | 2015 | 1 | Logic học và tư duy phản biện | | |
| 21 | Nhập môn logic học | Phạm Đình Nghiệm | ĐH QG TP HCM | 2006 | 1 | | | |
| 29 | Mỹ học đại cương | Lê Văn Dương | NXB Văn hoá thông tin | 1994 | 1 | Mỹ học đại cương | | |
| 33 | Dân chủ và giáo dục (Phạm Anh Tuấn dịch) | John Dewey | NXB Tri Thức | 2008 | 1 | Nghiên cứu triết học giáo dục đương đại | | |
| 34 | Nhập môn xã hội học | Trần Thị Kim Xuyên | Thống kê | 2003 | 2 | Nhập môn xã hội học | | |
| 38 | Phương pháp luận nghiên cứu văn học | Nguyễn Văn Dân | KHXH | 2006 | 1 | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội | | |
| 39 | Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học xã hội | Dương Thiệu Thống | KHXH | 2005 | 1 | | | |
| 40 | Giáo trình thống kê xã hội học | Đào Hữu Hồ | GD VN | 2014 | 1 | | | |
| 41 | Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội | Nguyễn Xuân Nghĩa | NXB Trẻ | 2004 | 2 | Phương pháp nghiên cứu xã hội học | | |

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

| Số TT | Tên sách chuyên khảo/tạp chí | Tên tác giả Đơn vị xuất bản | Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản | Số bản | Sử dụng cho môn học/học phần | Đúng/Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|-------|---|--------------------------------|------------------------------------|--------|------------------------------|---------------------------|---------|
| 1 | Tâm lý học xã hội | Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam | Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam | | | | |
| 2 | Tâm lý học | Viện Tâm lý học | Viện Tâm lý học | | | | |
| 3 | Nhân lực khoa học xã hội | Học viện Khoa học xã hội | Học viện Khoa học xã hội | | | | |
| 4 | Khoa học | Trường Đại học Sư phạm HN | Trường Đại học Sư phạm HN | | | | |
| 5 | Khoa học (Journal of Sciences VNU) | Đại học Quốc gia HN | Đại học Quốc gia HN | | | | |
| 6 | Khoa học giáo dục (Trước đây là Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục, Tạp chí Phát triển giáo dục) | Viện KHGD Việt Nam | Viện KHGD Việt Nam | | | | |
| 7 | Quản lý giáo dục | Học viện Quản lý giáo dục | Học viện Quản lý giáo dục | | | | |
| 8 | Giáo dục (Trước đây là Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp) | Bộ GD & ĐT | Bộ GD & ĐT | | | | |
| 9 | Xã hội học | Viện Xã hội học | Viện Xã hội học | | | | |
| 10 | Nghiên cứu con người | Viện Nghiên cứu | Viện Nghiên cứu | | | | |

| | | | | | | | |
|----|--|-----------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|
| | | cứu con người | cứu con người | | | | |
| 11 | Khoa học | Đại học Huế | Đại học Huế | | | | |
| 12 | Khoa học | Trường Đại học Vinh | Trường Đại học Vinh | | | | |
| 13 | Khoa học và công nghệ | Đại học Thái Nguyên | Đại học Thái Nguyên | | | | |
| 14 | Ngôn ngữ học | Viện Ngôn ngữ học | Viện Ngôn ngữ học | | | | |
| 15 | Cộng sản | BCH TW Đảng Cộng sản VN | BCH TW Đảng Cộng sản VN | | | | |
| 16 | Triết học | Viện Triết học | Viện Triết học | | | | |
| 17 | Văn học | Viện Văn học | Viện Văn học | | | | |
| 18 | Dân tộc học | Viện Dân tộc học | Viện Dân tộc học | | | | |
| 19 | Khoa học và công nghệ | Đại học Quốc gia TP. HCM | Đại học Quốc gia TP. HCM | | | | |
| 20 | Khoa học | Trường Đại học Sư phạm TP. HCM | Trường Đại học Sư phạm TP. HCM | | | | |
| 21 | Khoa học và công nghệ | Đại học Đà Nẵng | Đại học Đà Nẵng | | | | |
| 22 | Giáo dục lý luận quân sự | Học viện Chính trị, Bộ quốc phòng | Học viện Chính trị, Bộ quốc phòng | | | | |
| 23 | Khoa học xã hội Việt Nam/ Vietnam social Sciences (<i>Tạp chí tiếng Việt và tiếng Anh</i>) | Viện Khoa học xã hội Việt Nam | Viện Khoa học xã hội Việt Nam | | | | |
| 24 | Thiết bị Giáo dục | Hiệp hội Thiết bị | Hiệp hội Thiết bị | | | | |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|--|
| | | giáo dục Việt Nam | giáo dục Việt Nam | | | | |
| 25 | Giáo chức | Hội Cựu giáo chức Việt Nam | Hội Cựu giáo chức Việt Nam | | | | |
| 26 | Giáo dục và Xã hội | Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam | Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam | | | | |
| 27 | Đại học Thủ Dầu Một | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Trường Đại học Thủ Dầu Một | | | | |
| 28 | Đại học Sài Gòn | Trường Đại học Sài Gòn | Trường Đại học Sài Gòn | | | | |
| 29 | Nghiên cứu Dân tộc | Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc | Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc | | | | |

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Ngô Hồng Điệp

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO³

Tên ngành: Tâm lý học; Mã số: 7310401

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, đến mọi ngành nghề. Trong đó, giáo dục và đào tạo cũng không nằm ngoài những tác động đó. Trước áp lực của công việc và đáp ứng nhu cầu của xã hội có ảnh hưởng đến toàn cầu. Đặc biệt là nhu cầu nguồn lực trong khu vực.

Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) ra đời vào cuối năm 2015, tạo cơ hội lớn cho dịch chuyển nguồn lao động có trình độ, song mặt khác cũng đặt ra những thách thức lớn bởi tính cạnh tranh của thị trường lao động. Theo kết quả khảo sát của ILO và Ngân hàng Phát triển Châu Á về sự thay đổi thị trường lao động ASEAN sau sự ra đời của Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào cuối năm 2015, AEC sẽ tạo thêm 14 triệu việc làm ở khu vực ASEAN, trong đó Việt Nam chiếm 1/6 tổng lực lượng lao động của khu vực. Tuy nhiên, điểm yếu của lao động Việt Nam chính là thiếu kỹ năng mềm như điều phối và làm việc theo nhóm, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp...

Đón đầu xu thế, ngày 09/6/2014, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 879/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quyết định số 880/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài đều được huy động để phát triển, tái cơ cấu ngành kinh tế, dịch vụ theo hướng hiện đại; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, kỉ luật, năng lực sáng tạo; điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đặc biệt, ngày 18/12/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông với các nội dung như:

1. Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.
2. Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.
3. Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.
4. Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp (tùy theo cấp học).

³ Phụ lục III (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

5. Tham vấn tâm lý đối với học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.

Chính vì vậy, Trường Đại học Thủ Dầu Một xin mở ngành Tâm lý học có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn hiện nay nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Bình Dương là một tỉnh lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ trung tâm kinh tế, văn hóa hàng đầu Việt Nam. Nhu cầu nhân lực của Bình Dương nói riêng và Vùng kinh tế lân cận nói chung là rất lớn.

Thực tế cho thấy, nhu cầu lao động đối với lĩnh vực này là không nhỏ, nghiên cứu thị trường để đào tạo những ngành phù hợp với nhu cầu của xã hội có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong các ngành thuộc khoa học Xã hội và Nhân văn, Tâm lý học luôn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội. Hiện nay, việc đào tạo ngành Tâm lý học bậc đại học ở Trường Đại học Thủ Dầu Một có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn nhằm đáp ứng nhu cầu lớn của doanh nghiệp, phục vụ trực tiếp cho giáo dục địa phương và các vùng lân cận. Hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu tập trung vào hai cơ sở đào tạo công lập lớn: Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học Quốc Gia và Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, gần đây trường Đại học Sài Gòn cũng mở đào tạo ngành Tâm lý học. Mỗi đơn vị đào tạo trên, mỗi năm tuyển được khoảng 150 sinh viên. Ngoài ra còn có trường Đại học Văn Hiến, Đại học công nghệ thành phố Hồ Chí Minh là các đơn vị ngoài công lập mở đào tạo ngành Tâm lý học với qui mô tương tự. Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đào tạo ngành Tâm lý học đi theo các chuyên ngành như: chuyên ngành tâm lý - giáo dục, chuyên ngành tâm lý lâm sàng (trị liệu), chuyên ngành tâm lý học tham vấn (tham vấn tâm lý) và chuyên ngành tâm lý học Nhân sự - Doanh nghiệp. Mỗi cơ sở đào tạo đều có thế mạnh nhất định và đào tạo các hướng như: hướng sư phạm, hướng nghiên cứu, hướng thực hành ứng dụng. Sinh viên ngành Tâm lý học ra trường đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm trong xã hội như: chuyên viên tham vấn, trị liệu tâm lý, chuyên viên tâm lý học nhân sự, giảng viên tâm lý và các vị trí công tác khác trong các tổ chức sự nghiệp, kinh tế, xã hội khác nhau. Tuy nhiên, số sinh viên ra trường vẫn chưa đáp ứng hết được nhu cầu của xã hội, đặc biệt ở Bình Dương còn thiếu hụt rất lớn, mặt khác trong những năm gần đây các cơ sở đào tạo tuyển sinh học sinh theo học ngành Tâm lý học luôn ổn định và phát triển, điều này cho thấy ngành tâm lý học là một ngành đang rất phát triển và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Với một thành phố lớn với qui mô và phát triển như hiện nay và trong tương lai đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày phát triển, các rối loạn tâm lý, khủng hoảng tâm lý học đường, bạo lực học đường, tâm lý gia đình, tâm lý người lao động với tỷ lệ ngày một tăng, do đó nhu cầu chăm sóc tinh thần và phục hồi chức năng tâm lý của người dân ngày càng tăng cao, vì vậy, ngành Tâm lý học ngày càng có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở này, chúng tôi cho rằng, việc mở ngành Tâm lý học theo hướng ứng dụng để giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội đang đặt ra là cần thiết.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu chung về trường Đại học Thủ Dầu Một

Trường Đại học Thủ Dầu Một (Viết tắt: ĐH TDM); Tiếng Anh: Thu Dau Mot University (viết tắt: TDMU) - tiền thân là trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương - được thành lập ngày 24 tháng 6 năm 2009 theo Quyết định số 900/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ. Là Trường Đại học công lập trọng điểm được đặt dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương, Đại học Thủ Dầu Một thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân

lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, các tỉnh Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường.

Tên trường:

Tiếng Việt: Trường Đại học Thủ Dầu Một. Viết tắt: ĐH TDM

Tiếng Anh: Thu Dau Mot University. Viết tắt: TDMU

Loại hình trường: Công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Tiền thân của Trường là Cao đẳng Sư phạm Bình Dương - một cơ sở đào tạo sư phạm uy tín của tỉnh Bình Dương, cung cấp đội ngũ giáo viên có chuyên môn, am tường nghiệp vụ giảng dạy và có tâm huyết với thế hệ trẻ. Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

Qua gần 10 năm hình thành và phát triển, Trường đã định hình là một cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực; phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý “Tri thức – Phát triển – Phồn vinh”, trường Đại học Thủ Dầu Một đang dần khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương.

Về nhân sự, đến năm 2017, đội ngũ cán bộ khoa học của trường có 01 giáo sư, 15 phó giáo sư, 115 tiến sĩ, 504 thạc sĩ, 97 cán bộ - giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu, nhà trường còn tranh thủ sự hậu thuẫn của cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao ở các trường thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh... Bên cạnh đó, với tinh thần cầu thị và những nỗ lực cải thiện điều kiện làm việc, Trường đã thu hút ngày càng nhiều chuyên gia, tình nguyện viên quốc tế đến làm việc và hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH tại Trường.

Về đào tạo, trường Đại học Thủ Dầu Một đang tập trung hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo sáng kiến CDIO. Tháng 8/2015, Trường chính thức được Bộ Giáo dục cho phép đào tạo Cao học, đánh dấu bước phát triển quan trọng của Nhà trường. Hiện nay, quy mô của Trường là 15.000 sinh viên chính quy và 600 học viên cao học đang học tập và nghiên cứu ở 28 ngành đại học, 9 ngành sau đại học, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Trường đang xây dựng các ngành đào tạo chất lượng cao (đào tạo 100% chương trình bằng tiếng Anh) đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chuẩn quốc tế, phục vụ nhu cầu hội nhập.

Về nghiên cứu khoa học, với chiến lược xây dựng Trường thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn có uy tín, Đại học Thủ Dầu Một đang đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Hiện nay, Trường đang triển khai 03 đề án nghiên cứu trọng điểm là Đề án nghiên cứu về Đông Nam Bộ, Đề án nghiên cứu Nông nghiệp chất lượng cao, Đề án nghiên cứu Thành phố thông minh Bình Dương. Các đề án, công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu với ứng dụng, giữa đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 40 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao

cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, Trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo thỏa thuận hỗ trợ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai ngành Kinh tế và Công nghệ thông tin.

Trong chiến lược phát triển đến năm 2020, Đại học Thủ Dầu Một sẽ hoàn thiện hệ thống đào tạo gồm 36 ngành đại học, 22 ngành cao học, 09 ngành tiến sĩ với quy mô là 15.100 học viên – sinh viên (ĐH: 14.000, Sau ĐH: 1.100), trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm với các trường đại học có uy tín trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới. Đến năm 2025, tỷ lệ ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu là 40% tổng số ngành đào tạo, tiến tới đạt tỷ lệ 60%; ngành đào tạo sau đại học chiếm 60% trên tổng số ngành đại học.

3. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trường được trình bày trong sơ đồ sau:



3.1. Các đơn vị trực thuộc trường và đội ngũ cán bộ khoa học

Trường Đại học Thủ Dầu Một có 14 khoa, 9 trung tâm, 3 viện nghiên cứu, 15 phòng ban và các đơn vị tương đương, 3 tổ chức đoàn thể như sau:

CÁC KHOA

- 1 Khoa Kinh Tế
- 2 Khoa Xây Dựng - Kiến Trúc
- 3 Khoa Công Nghệ Thông Tin - Điện - Điện Tử
- 4 Khoa Tài Nguyên Môi Trường
- 5 Khoa Khoa Học Tự Nhiên

- 6 Khoa Hành Chính - Luật
- 7 Khoa Công Tác Xã Hội
- 8 Khoa Ngoại Ngữ
- 9 Khoa Ngôn Ngữ Trung Quốc
- 10 Khoa Lịch Sử
- 11 Khoa Ngữ Văn
- 12 Khoa Sư Phạm
- 13 Khoa Khoa Học Quản Lý
- 14 Khoa Công Nghệ Sinh Học

CÁC PHÒNG BAN

- 1 Phòng Đào Tạo Đại Học
- 2 Phòng Đào Tạo Sau Đại Học
- 3 Phòng Khoa Học
- 4 Phòng Hợp Tác Quốc Tế
- 5 Phòng Công Tác Sinh Viên
- 6 Phòng Tổ Chức
- 7 Phòng Hành Chính
- 8 Phòng Kế hoạch - Tài Chính
- 9 Phòng Thanh Tra

- 10 Phòng Đảm Bảo Chất Lượng
- 11 Phòng Cơ Sở Vật Chất
- 12 Ban Biên Dịch
- 13 Ban Biên Tập Trang Thông Tin Điện Tử
- 14 Tạp Chí Đại học Thủ Dầu Một
- 15 Trạm Y Tế

CÁC TRUNG TÂM - VIỆN

- 1 Trung Tâm Tuyển Sinh và Thị Trường Lao Động
- 2 Trung Tâm Ngoại Ngữ
- 3 Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin
- 4 Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên
- 5 Trung Tâm Thông Tin - Thư Viện
- 6 Trung Tâm GDTC - ANQP
- 7 Trung Tâm Lý Luận Chính Trị
- 8 Trung Tâm Nghiên Cứu - Thực Nghiệm
- 9 Trung Tâm Phát Triển Công Tác Xã Hội
- 10 Viện Nghiên Cứu Khoa Học và Phát Triển Công nghệ
- 11 Viện Phát Triển Chất Lượng Giáo Dục

ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

- 1 Đảng ủy
- 2 Công đoàn
- 3 Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên

3.2. Hoạt động đào tạo của trường

Trong *hoạt động đào tạo*, trường Đại học Thủ Dầu Một đang tập trung hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo sáng kiến đề xướng CDIO và hướng đến AUN - QA. Quy mô đào tạo của Trường hiện nay là 12.000 sinh viên hệ chính quy, 5.000 sinh viên hệ thường xuyên, 500 học viên cao học. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo các ngành học như sau:

9 ngành sau đại học: Lịch sử Việt Nam, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ Anh, Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Văn học Việt Nam, Công tác xã hội, Hệ thống phần mềm, Khoa học Môi trường.

26 ngành đại học: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Kỹ thuật điện - điện tử, Kiến trúc, Quy hoạch vùng và Đô thị, Kỹ thuật xây dựng, Khoa học môi trường, Hóa học, Vật lý học, Toán học, Sinh học ứng dụng, Công tác xã hội, Luật, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Quản lý tài nguyên môi trường, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học.

6 ngành cao đẳng: Kế toán, Công nghệ kỹ thuật điện tử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Toán, Sư phạm Sinh.

Sau 7 năm được thành lập, đến nay số lượng sinh viên hệ chính quy được nhà trường đào tạo đã tốt nghiệp là 7.552 sinh viên. Bên cạnh đó, Trường cũng đang xây dựng các ngành đào tạo chất lượng cao (đào tạo 100% chương trình bằng tiếng Anh) đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chuẩn quốc tế, phục vụ nhu cầu hội nhập.

4. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của trường Đại học Thủ Dầu Một

4.1. Tổng quan về cơ sở vật chất hiện có

- (1). Tổng diện tích đất hiện có: 67.535,6 (m²)
- (2). Đất Nhà nước cấp: 52.129,6 (m²)
- (3). Tổng diện tích đất xây dựng đến 31/12/2010: 8.409.41 (m²)
- (4). Tổng diện tích sàn sử dụng: 66.306,8 (m²)
- (5). Diện tích trực tiếp phục vụ học tập: 29.107,8 m²
- (6). Diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²

4.2. Phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành

+ Phòng học:

- 50 phòng học : 2.550 chỗ ngồi
- 14 giảng đường : 1.680 chỗ ngồi
- 02 hội trường : 750 chỗ ngồi
- 05 phòng hội thảo: 200 chỗ ngồi
- Khu hiệu bộ 4 tầng
- Khu làm việc của các khoa 4 tầng

+ Phòng thí nghiệm, thực nghiệm:

- 06 phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh với đầy đủ các thiết bị dạy, học
- 01 phòng nhạc với 02 đàn Piano, 60 đàn ghita và 25 đàn Organ

- 05 phòng dạy tin học: 300 chỗ ngồi
- 05 phòng thực hành: Điện-điện tử; Môi trường; Kiến trúc (02 phòng); Xây dựng.

+ Phòng thực hành máy và Internet:

- 05 phòng máy vi tính với 222 máy

Chi tiết phòng máy và đường truyền Internet như sau:

- + Tổng số phòng máy 05 phòng

- + Tổng số máy vi tính: 222 máy

+ Cấu trúc mỗi máy: Đa số có cấu hình DUAL CORE-E5500, RAM 1GB, Card mạng, màn hình, bàn phím...

+ Tất cả đều nối mạng cục bộ

- + Đường truyền Interne Lease LINE 4Mb/s kết nối Internet cho các phòng máy tính

+ Đường truyền Nadsl 14Mb/s kết nối cho các phòng, khoa và cho hệ thống Internet không dây trong toàn trường hỗ trợ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên,...

4.3. Các phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy giai đoạn chuyên ngành

(1). Tỉnh Bình Dương đã đầu tư 63.176.595.000 VNĐ xây dựng trong năm 2010 với các phòng thí nghiệm sau:

- Phòng phân tích môi trường: 1.641.960.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm tin học môi trường: 2.515.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm kỹ thuật điện - điện tử: 587.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo: 435.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm kỹ thuật số và vi điều khiển: 1.237.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm máy điện: 580.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm điện tử công suất: 1.080.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm điện tử viễn thông: 2.372.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm điều khiển tự động: 926.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm PLC: 1.072.000.000 VNĐ
- Phòng máy chủ và hạ tầng mạng cho Khoa CNTT: 1.262.740.000 VNĐ
- Phòng thực hành Mạng máy tính: 1.445.505.000 VNĐ
- Phòng thực hành Hệ thống thông tin: 1.129.820.000 VNĐ

(2). Gói thầu xây lắp: đã hoàn thành, với giá trị là 1.339.840.108 đồng

(3). Gói thiết bị:

- Thiết bị khoa Kiến trúc : 140.910.000 đ
- Thiết bị khoa Xây dựng : 1.797.976.972 đ
- Thiết bị khoa Công nghệ Thông tin - Điện - Điện tử : 1.030.960.700 đ
- Thiết bị khoa Tài nguyên Môi trường : 3.221.975.944 đ

(4). Các chi phí khác : 1.445.909.276 đ

(5). Ngoài ra trường còn hợp tác với Viện khoa học thủy lợi miền Nam để các giảng viên, sinh viên của trường được nghiên cứu, thực hành, thí nghiệm tại phòng Thí nghiệm của Viện tại huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4.4. Công trình: Tăng cường thiết bị thí nghiệm thực hành cơ bản và chuyên đề các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Môi trường

Tổng giá trị đầu tư : 8.269.195.190 đ

(1). Gói thầu xây lắp: đã hoàn thành, với giá trị là 668.255.390 đồng

(2). Gói thiết bị:

- Thiết bị môn Hóa học : 1.246.545.000 đ
- Thiết bị môn Sinh học : 2.782.197.400 đ
- Thiết bị môn Vật lý : 1.887.188.000 đ

- Thiết bị môn Môi trường : 386.500.000 đ
- (3). Các chi phí khác : 1.298.509.400 đ

4.5. Thiết bị dạy học

- Màn hình: 66; Projecter: 79
- Micro không dây, amply, loa: 42 bộ

4.6. Trung tâm Thông tin Thư viện

Trung tâm Thông tin Thư viện được thành lập trên cơ sở nâng cấp Thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Năm 2011, được sự đầu tư ban đầu của UBND tỉnh theo dự án Tin học hóa hoạt động Thư viện, tổng đầu tư 2,8 tỷ đồng.

Hiện nay Trung tâm Thông tin Thư viện sử dụng phần mềm LIBO16.0 để quản lý và phục vụ bạn đọc tra cứu. Công tác biên mục và mượn trả được tin học hóa.

4.7. Dự kiến đầu tư xây dựng cơ sở Trường mới tại Khu Đô thị và Công nghiệp Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Tổng Diện tích khu đất khoảng 57,6 hecta, được quy hoạch xây dựng định hình rõ 03 khu vực: Khu vực xây dựng Trường Đại học, khu vực xây dựng Ký túc xá sinh viên, khu vực xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một. Với quy mô từng dự án cụ thể như sau:

* **Công trình - Trường Đại học Thủ Dầu Một:** Quy mô sinh viên: 24.500 SV Diện tích đất xây dựng công trình: 86.114,52 m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng : 241.936,3 m²
- Tổng giá trị xây dựng công trình khoảng 2.600 tỷ đồng

* **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh

* **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

5. Giới thiệu về Khoa trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo

Tên đầy đủ: KHOA KHOA HỌC QUẢN LÝ

Tên tiếng Việt: KHOA KHOA HỌC QUẢN LÝ

Tên tiếng Anh: FACULTY OF MANAGEMENT SCIENCE

Tên viết tắt: Khoa KHQL

Tên tiếng Việt: Khoa KHQL

Tên tiếng Anh: FMS

Cơ quan chủ quản

Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Thông tin liên lạc:

Phòng 11.106, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0650 3815 154

Webiste: <http://khql.tdmu.edu.vn>.

Email: khoakhql@tdmu.edu.vn

5.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Khoa Khoa học Quản lý được thành lập theo *Quyết định số 517/QĐ-ĐHTDM ngày 13 tháng 5 năm 2016 về việc thành lập khoa Khoa học Quản lý thuộc trường Đại học Thủ Dầu Một*. Kèm theo đó là *Quyết định 523/QĐ - ĐHTDM ngày 13 tháng 5 năm 2016 về việc thành lập các Bộ môn thuộc khoa Khoa học Quản lý của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương*.

Trên cơ sở đó, tiền thân của Khoa Khoa học Quản lý là sự hợp nhất của 4 bộ môn thuộc 4 khoa chuyên ngành khác nhau:

Bộ môn Quản lý Công nghiệp

Bộ môn Quản lý Tài nguyên Môi trường

Bộ môn Quản lý Đất đai
 Bộ môn Quản lý Giáo dục

5.2. Nhân sự và cơ cấu tổ chức

| | | | |
|----------------|-----------|------------|---|
| <i>Tổng số</i> | <i>TS</i> | <i>ThS</i> | <i>Cử nhân (Đang chờ bảo vệ luận văn)</i> |
| 43 | 6 | 37 | 1 |

- Về nhân sự

Đội ngũ giảng viên tâm lý học có 10 người được đào tạo bài bản ở các cơ sở đại học, học viện có uy tín. Trong đó, có 02 tiến sĩ, 08 thạc sĩ và 02 tiến sĩ ngành gần. Hiện nay Đội ngũ giảng dạy tâm lý học ở Trường Đại học Thủ Dầu Một đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng tốt với quy định mở ngành Tâm lý học.

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Chuyên ngành được đào tạo | Năm, nơi tham gia giảng dạy | Ghi chú |
|-----------|--|--|----------------------------------|---|----------------|
| 1 | Đông Văn Toàn Năm sinh: 1981 Phụ trách khoa KHQL | Tiến sĩ (2015) | Tâm lý học | 2005 đến 3/2017 CĐSP TT Huế. 3/2017 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | |
| 2 | Nguyễn Văn Thăng Năm sinh: 1977 Giảng viên | Thạc sĩ (2005) | Tâm lý học | Từ 2001 đến 2013 công tác tại trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum. Từ 2013 đến nay tại Trường đại học Thủ Dầu Một | |
| 3 | Đỗ Thị Nga Năm sinh: 1979 Giảng viên | Tiến sĩ (2015) | Tâm lý học | 2002 đến 2/2010 CĐSP Bình Phước 3/2010 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | |
| 4 | Trần Thị Tuyết Mai Sinh năm: 1959 Trưởng bộ môn QLGD | Tiến sĩ (2010) | Quản lý giáo dục | Đại học Thủ dầu Một | Ngành gần |
| 5 | Tạ Thị Thanh Loan Sinh năm: 1982 Giảng viên | Tiến sĩ (2016) | Quản lý giáo dục | 2016 đến nay Đại học Thủ dầu Một | Ngành gần |

| | | | | | |
|----|---|-------------------|------------|--|--|
| 6 | Nguyễn Thị Nhung Sinh năm: 1988 Giảng viên | Thạc sĩ (2012) | Tâm lý học | 2012 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | |
| 7 | Trịnh Phương Thảo Sinh năm: 1983 Giảng viên | Thạc sĩ (2008) | Tâm lý học | 2009 Đại học Thủy Lợi. 2010 đến nay Trường Đại học Thủ Dầu Một | |
| 8 | Nguyễn Thị Tuấn Anh. 1983 Phó trưởng bộ môn | Thạc sĩ (2008) | Tâm lý học | 10/2004 tại CĐ Sư phạm Bình Dương (nay là Đại học Thủ Dầu Một) | |
| 9 | Phạm Nguyễn Lan Phương Sinh năm: 1987 Giảng viên | Thạc sĩ (2012) | Tâm lý học | 2011 đến nay: ĐH Thủ Một | |
| 10 | Trần Kim An Sinh năm: 1986 Giảng viên | Thạc sĩ (2012) | Tâm lý học | 3/2010-9/2013: Đại học Kinh Tế Tài Chính TP. Hồ Chí Minh. 10/2013 đến nay: Đại học | |
| 11 | Trịnh Thị Cẩm Tuyên Sinh năm: 1988 Giảng viên | Thạc sĩ (2013) | Tâm lý học | 2014 đến nay: ĐH Thủ Một | |
| 12 | Nguyễn Thị Thanh Phương Sinh năm: 1986 Giảng viên | Thạc sĩ (2012) | Tâm lý học | 2012 đến nay: ĐH Thủ Một | |

5.3. *Sứ mệnh*

Khoa Khoa học Quản lý là đơn vị cấp khoa trực thuộc trường Đại học Thủ Dầu Một, dưới sự lãnh đạo của ban lãnh đạo và đảng ủy nhà trường. Cùng với các đơn vị khác trong trường, Khoa hướng đến những sứ mệnh sau:

Hình thành và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp trong giảng dạy và nghiên cứu, bảo đảm năng lực cho người học có thể làm việc trong môi trường toàn cầu.

Trở thành đơn vị cung ứng nguồn nhân lực quản trị địa phương chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trung tâm lan toả tri thức và cung cấp các sản phẩm khoa học mang tính phản biện và tư vấn cho xã hội trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

5.4. Tâm nhìn

Phấn đấu đến năm 2020, Khoa Khoa học Quản lý (Khoa KHQL) cụ thể hóa định hướng của Nhà trường trở thành đơn vị đào tạo phát triển theo định hướng đại học nghiên cứu; là một trong những cơ sở đào tạo và nghiên cứu hàng đầu của tỉnh; nơi tập trung các chuyên gia, giảng viên trình độ cao; các chương trình đào tạo liên tục cập nhật các chương trình đào tạo quốc tế nhằm hướng tới cung ứng nguồn nhân lực quản trị địa phương chất lượng cao phù hợp xu hướng hội nhập quốc tế. Vì vậy, Khoa Khoa học Quản lý luôn đề cao và hướng đến việc xây dựng những giá trị cốt lõi sau:

- Xây dựng chương trình đào tạo có chất lượng chuyên nghiệp, hiệu quả và gắn liền với thực tiễn cũng như nhu cầu thực tế của xã hội.

- Luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trong mọi hoạt động giáo dục, đào tạo và rèn luyện.

- Xây dựng tập thể cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa Khoa học Quản lý luôn đoàn kết, đồng lòng và hướng đến mục tiêu chung trong quá trình phát triển.

- Xác định tinh thần làm việc tận tâm nhằm tạo ra những sản phẩm khoa học có giá trị và đội ngũ lao động chất lượng cho xã hội.

1. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

Từ những nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, thực tiễn đào tạo trong nước và năng lực của trường, Đại học Thủ Dầu Một mong muốn mở ngành đào tạo Tâm lý học, hệ đại học chính quy.

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Tâm lý học, chúng tôi có tham khảo chương trình ngành Tâm lý học của các trường Đại học trong nước như: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường đại học sư phạm Hà Nội 1; Trường Đại học sư phạm Huế; Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và các trường Đại học nước ngoài như: BriHam Young University; Coastal Carolina University; Florida Atlantic University; Université de Lausanne; Moncton University; Old Dominion University; Saint Joseph's University; Thammasat University. Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học của các trường đại học trong và ngoài nước từ 120 đến 140 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học của Đại học Thủ Dầu Một gồm 120 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung: 21 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành: 74 tín chỉ, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp: 25 tín chỉ. Thời gian đào tạo ngành Tâm lý học trong 3.5 năm.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 12 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy... đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 120 đến 150 sinh viên ngành Tâm lý học mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất đặc biệt là thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành Tâm lý học theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Tâm lý học đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đứng chuyên ngành và có chuyên môn sâu về tâm lý học. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Tâm lý học trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo.

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Tâm lý học phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Ngô Hồng Điệp

DANH SÁCH LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN⁴

Phụ lục IV
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Đông Văn Toàn** Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 10/01/1981 Nơi sinh: Nga Sơn, Thanh Hóa
Quê quán: Nga Sơn, Thanh Hóa Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước nhận học vị: 2015
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Phụ trách Khoa Khoa Học Quản Lý
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường Đại Học Thủ Dầu Một
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại Học Thủ
Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại liên hệ: CQ: 38151154 NR: DD: **0914.173.417**
Fax: Email: dongvantoan@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Sư Phạm Huế - Đại học Huế;
Ngành học: Tâm lý - Giáo dục; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2005; Bằng
đại học 2: Ngôn ngữ Anh; Năm tốt nghiệp: 2014

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Tâm lý học; Năm cấp bằng: 2009; Nơi đào tạo: Đại học Sư
Phạm – Đại học Huế

1

⁴ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Tiến sĩ chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành; Năm cấp bằng: 2015; Nơi đào tạo: Viện Hàn Lâm, Khoa học Xã hội Việt Nam;

Tên luận án: Những khó khăn tâm lý trong học tập của lưu học sinh nước ngoài đang học đại học ở Việt Nam

- 3. Ngoại ngữ:**
- | | |
|--------------|--------------------|
| 1. Tiếng Anh | Mức độ sử dụng: TB |
| 2. Tiếng Nga | Mức độ sử dụng: TB |

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi công tác</i> | <i>Chức vụ, công việc đảm nhiệm</i> |
|--|--|---|
| Từ 2005 đến 3/2017 | Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế | - Bí thư chi đoàn Cán bộ giảng viên - Ủy viên ban chấp hành Đoàn Trường (2007 - 2009). - Phó bí thư chi bộ khoa Quản trị nghiệp vụ (2012 - 2013). - Thư ký Ban thanh tra giáo dục, Trường CĐSP TT Huế. - Cán bộ kiểm soát ISO - Giảng dạy các học phần tâm lý học, giáo dục học |
| Từ 1/4 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2017 | Giảng viên Khoa Sư phạm, Trường ĐH Thủ Dầu Một | Giảng dạy theo phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Khoa |
| Từ 20/4 đến 10/2017 | Giảng viên Khoa Công tác - Xã hội, Trường ĐH Thủ Dầu Một | - Giảng dạy theo phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Khoa - Trợ lý SĐH |
| Từ 1/10/2017 đến nay | Khoa Khoa học Quản lý, Trường ĐH Thủ Dầu Một | - Phó trưởng Khoa Khoa học Quản lý - Phụ trách khoa Khoa Khoa học Quản lý - Bí thư chi bộ Khoa Khoa học Quản lý - Giảng dạy các học phần tâm lý học, giáo dục học |

*** Tham gia thỉnh giảng cho các trường:**

- Đại học Vinh: Giảng dạy các học phần, Phương pháp nghiên cứu khoa học; Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ; Giáo dục học trẻ em; Giáo dục lối sống và hoạt động trải nghiệm, sáng tạo cho học sinh tiểu học.

- Đại học Sư phạm Huế: Giảng dạy các học phần, Phương pháp nghiên cứu khoa học; Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ; Giáo dục học trẻ em và các chuyên đề bồi dưỡng cán bộ quản lý.

- Đại học Nội Vụ: Giảng dạy các học phần, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Tâm lý học đại cương, Tâm lý học quản lý, Kỹ năng giao tiếp cho sinh viên ĐH, CĐ chính quy và VLVH, học viên, chuyên viên cán bộ quản lý.

- Trung cấp Văn hoá nghệ thuật: Giảng dạy các học phần Tâm lý học đại cương cho học viên các lớp đại học Quản lý văn hoá; lớp đại học Tổ chức sự kiện và đạo diễn.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Đại học Huế: Giảng dạy các học phần: Lý luận dạy học tiểu học; Tâm lý học trẻ em; Giáo dục học trẻ em. Dạy cho giáo viên Tiểu học, Mầm non ở các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ.

- Đại học Sư Phạm Tp. CHM: Giảng dạy các học phần như: Tâm lý học tiểu học; Giáo dục học tiểu học; Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Đại học HuTech (ĐH Công nghệ) Tp. HCM: Giảng dạy các học phần như: Tâm lý học; Tâm lý học y học.

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| T T | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|--------|--|------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|
| 01 | Khó khăn tâm lý trong học tập của lưu học sinh Lào đang học ở trường CĐSP TT - Huế | 2011-2013 | Cấp trường (Đã nghiệm thu xếp loại A) | Chủ nhiệm đề tài |
| 02 | Khó khăn tâm lý trong học tập của LHS Lào tại Đại học Huế | NXB Đại học Huế, 2016 | Sách chuyên khảo | Tác giả |
| 03 | Nghiên cứu đề xuất mô hình hoạt động tham vấn học đường trong nhà trường trung học | 2017 – 2018 (Đang thực hiện) | Cấp bộ Mã số: GD18 | Thành viên |
| 04 | Nhu cầu tham vấn tâm lý của người dân khu vực Đông Nam Bộ | 2017 – 2018 (Đang thực hiện) | Cấp trường | Thành viên |


2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố/ Tên tạp chí |
|----|---|--|
| 1 | “Những khó khăn tâm lý trong giao tiếp của Lưu học sinh Lào đang học ở Trường CĐSP Huế”. <i>Tạp chí Tâm lý học, số 9, năm 2010</i> | <i>Tạp chí Tâm lý học, số 9, năm 2010</i> ISSN: 1859-0098 |
| 2 | “Một số biện pháp khắc phục khó khăn tâm lý trong quá trình học tập của Lưu học sinh Lào học ở trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế”. (<i>Some measures to overcome psychological difficulties in learning process of Laos students at Thua Thien Hue College of Education</i>), số 4/2013. Tr 94-98. | Tạp chí Tâm lý học, số 4/2013. Tr 94-98. ISSN: 1859-0098 |
| 3 | “Nâng cao kỹ năng tự học cho Lưu học sinh nước ngoài đang học cao đẳng, đại học ở Thừa Thiên Huế”. (Upgrading – study skill for foreign students at universities and junior colleges in Thua Thien Hue province). Năm 2013 | <i>Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt (6/2013). Tr 90; 93-94.</i> ISSN: 21869 0866 7476 |
| 4 | “Mức độ khó khăn tâm lý trong học tập của LHS nước ngoài đang học cao đẳng, đại học ở Việt Nam”. | <i>Tạp chí Tâm lý học Xã hội (số 2/2014).</i> ISSN: 0866-8019 |
| 5 | “Nguyên nhân khó khăn tâm lý trong quá trình học tập của Lưu học sinh nước ngoài đang học ở Thừa Thiên Huế”. | <i>Tạp chí KHGD – Đại học Đồng Tháp. Số 7 (02/2014). Tr 87-98</i> ISSN: 0866 - 7675 |
| 6 | Ứng phó với khó khăn tâm lý trong học tập của LHS Lào đang học cao đẳng, đại học ở Thừa Thiên Huế | <i>Tạp chí TLH Xã hội (số 4/2014)</i> ISSN: 0866-8019 |
| 7 | “Yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong học tập của lưu học sinh Lào đang học đại học ở Thừa Thiên Huế” | <i>Tạp chí Tâm lý học Xã hội (số 6/2015)</i> ISSN: 0866-8019 |
| 8 | “Yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tư duy trực quan - hành động của trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi ở Trường Thực hành mầm non Hòa Mí, Trường CĐSP TT Huế”. Năm 2016 | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 02/2016 ISSN: 1859 - 2694 |
| 9 | “Biện pháp nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học qua làm tiểu luận, khóa luận của sinh viên ngành sư phạm ở Trường CĐSP TT Huế” | <i>Tạp chí Giáo dục, số 377 (kỳ 1 - 3/2016)</i> ISSN: 2354-0753 |
| 10 | “Một số biện pháp giáo dục lối sống cho sinh viên Trường CĐSP TT Huế” | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 09/2016 ISSN: 1859 - 2694 |

| | | |
|----|--|--|
| 11 | “Xây dựng các giá trị cốt lõi của người cán bộ - giảng viên Trường CĐSP TT Huế” | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 10/2016 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 12 | “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác QLL/CVHT ở Trường CĐSP TT Huế” | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 11/2016 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 13 | “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác của Ban Thanh tra Giáo dục ở Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế” | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 12/2016 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 14 | “Đặc điểm phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trên địa bàn thành phố Huế” | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 1/2017 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 15 | Nâng cao khả năng ứng phó với khó khăn trong học tập của sinh viên trường CĐSP TT Huế | <i>Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một</i> Số 2(33)-2017 <i>ISSN: 1859 - 4433</i> |
| 16 | Nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên cơ sở trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại Miền Trung | <i>Nội san</i> <i>Khoa học Nội vụ, Miền Trung - Tây Nguyên</i> Số 2: tháng 4/2017 |
| 17 | Tác động của quá trình đô thị hóa đến tâm lý người dân Đông Nam Bộ | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 5/2017 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 18 | “Biện pháp giáo dục động cơ học tập của sinh viên ngành sư phạm mầm non Trường trung cấp Âu Lạc - Huế”. | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 7/2017 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 19 | Nguyên tắc đạo đức và kỹ năng giao tiếp trong tham vấn cho sinh viên ngành công tác xã hội, trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương | <i>Tạp chí dạy và học ngày nay,</i> 8/2017 <i>ISSN: 1859 - 2694</i> |
| 20 | “Một số khó khăn trong học tập của Lưu học sinh Lào học tại trường CĐSP TT – Huế”. <i>Hội thảo Khoa học Quốc tế Tâm lý học đường lần thứ 3 (The 3rd Interationnal Conference On School Psychoogy. Developing Skills and Models of Service Delivery in School Psychoogy).</i> | <i>Tr.420-428. Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh. Năm 2012</i> |

| | | |
|----|---|--|
| 21 | “Đánh giá những khó khăn tâm lý trong giao tiếp của Lưu học sinh nước ngoài đang học ở Việt Nam và đưa ra giải pháp khắc phục” <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế. Giáo dục Đại học – Hiện tại và tương lai (International Symposium Higher Education: Today and Tomorrow).</i> | <i>Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2. Tr255-268. năm 2011</i> |
| 22 | “Biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập của lưu học sinh Lào đang học đại học ở Thừa Thiên Huế” | <i>Hội thảo Quốc tế Tâm lý học đường lần thứ IV, NXB ĐHQG Hà Nội, 8/2014</i> |
| 23 | “Áp lực công việc và khả năng ứng phó với Stress nghề nghiệp trong công tác xã hội”. <i>Hội thảo Quốc tế Công tác xã hội và an sinh xã hội trong bối cảnh cộng đồng Asean: Hội nhập và phát triển bền vững</i> | <i>Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương, Tháng 11/2017</i> |
| 24 | “Định hướng giá trị đạo đức của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu”, <i>Hội thảo Quốc tế Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên sư phạm trên thế giới</i> | <i>Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Tháng 12/2017</i> |
| 25 | “Biện pháp hỗ trợ khắc phục khó khăn tâm lý trong giao tiếp của Lưu học sinh Lào đang học ở Việt Nam”. <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng Tâm lý học – Giáo dục học trong thời kỳ hội nhập Quốc tế, tr.126 - 134.</i> | <i>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Nxb ĐHSPT Hà Nội. Năm 2010</i> |
| 26 | “Một số biện pháp giáo dục động cơ học tập cho sinh viên Trường CĐSP TT-Huế”. <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cán bộ trẻ các trường ĐHSPT toàn quốc lần thứ 2 – Năm 2012.</i> | <i>Đại Học Sư phạm Huế. Tr.102-109. Nxb Đại học Huế.</i> |
| 27 | “Nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực về việc cải tiến quản lý đào tạo theo tín chỉ ở Cơ sở Trường ĐHNH Hà Nội tại Miền trung”, <i>Hội thảo khoa học đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành nội vụ các tỉnh Miền trung - Tây nguyên. Quảng Nam</i> | <i>Đại học Nội vụ Phân hiệu tại Quảng Nam, năm 2015</i> |
| 28 | “Tác động của quá trình đô thị hóa đến tâm lý người dân Đông Nam Bộ trong thời kỳ hội nhập”. <i>Hội thảo khoa học</i> | <i>Trường ĐH Thủ Dầu Một. Ngày 17/5/2017</i> |
| 29 | “Vai trò công tác quản trị địa phương và một số biện pháp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Dương” | <i>Hội thảo Quốc gia Tháng 12/2017</i> |

| | | |
|----|--|--|
| 30 | <p>“Bạo lực trẻ em và vai trò đào tạo nhân viên công tác xã hội rong giai đoạn hiện nay”</p> | <p>Hội thảo Khoa học Quốc gia Mới quan hệ giữa nhà nước, cộng đồng và gia đình ở nước ta hiện nay, Trường Đại học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. HCM, tháng 12/2017</p> |
|----|--|--|

Xác nhận của cơ quan *Danh*

 KT. HIỆU TRƯỞNG
 THỦ HIỆU TRƯỞNG
 PGS-TS. Hoàng Trọng Quyết

Bình Dương, ngày tháng 02 năm 2018

Người khai kí tên
 (Ghi rõ chức danh, học vị)



TS. Đồng Văn Toàn

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT
OF GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers
THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN PSYCHOLOGY

Upon: (Mr, Ms) *Mr. Dong Van Toan*

Born on: 10 January 1981

Given under the seal of
GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES
on the twenty-fourth day of July 2015

Serial number: _____
Reference number: 494

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Cấp
BẰNG TIẾN SĨ
TÂM LÝ HỌC

Cho: *Ông Đồng Văn Toàn*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 9687 Sinh ngày: 10/01/1981
Số đăng ký: 02 SCT/BS

07-07-2017

CÔNG CHỨNG VIỆN

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Trần Thị Bích Hà 004562

GST.S. Võ Khánh Vinh

Số vào sổ cấp bằng: 494

| | | | |
|------------------|---------|----------------------------------|--|
| <i>Chứng chỉ</i> | 8/2010 | Chapman University (USA) | Mental Health in the school |
| <i>Chứng chỉ</i> | 6/2011 | ĐH KHXH&NV TP HCM | Các mô hình GD theo chương trình giáo dục Mầm non mới |
| <i>Chứng chỉ</i> | 8/2011 | Chapman University (USA) | Behavior Problem: Identification and Intervention in the school |
| <i>Chứng chỉ</i> | 10/2011 | ĐHSP TP HCM | Kỹ năng sống của cá nhân để thành công – Hướng đến sự khỏe mạnh và bản lĩnh của học sinh sinh viên “Healthy Children and Strong Student: Personal Skill for Success” |
| <i>Chứng chỉ</i> | 11/2011 | ĐHKH Tự nhiên TP HCM | Phương pháp giảng dạy đại học theo học chế tín chỉ |
| <i>Chứng chỉ</i> | 6/2012 | ĐH KHXH&NV TP HCM | Mô hình tham vấn chuyên nghiệp trong tham vấn và trị liệu tâm lý |
| <i>Chứng chỉ</i> | 4/2015 | Trường Chính trị tỉnh Bình Dương | Bồi dưỡng kiến thức cho Cán bộ lãnh đạo QL đối tượng 4 |
| <i>Chứng chỉ</i> | 10/2016 | ĐHSP TP HCM | Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm |

Trình độ ngoại ngữ: TOEFL 510

| TT | Tên ngoại ngữ | Nghe | | | Nói | | | Viết | | | Đọc hiểu tài liệu | | |
|----|---------------|------|-----|----|-----|-----|----|------|-----|----|-------------------|-----|----|
| | | Tốt | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt | Khá | TB |
| 1 | Anh văn | | | x | | | x | | | x | | | x |
| 2 | | | | | | | | | | | | | |

III. THỜI GIAN CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian | Nơi công tác | Chức vụ |
|-----------------------|---|--|
| Từ 8/2002 đến 02/2010 | Trường CĐSP Bình Phước, tỉnh Bình Phước | Giảng viên |
| Từ 03/2010 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | Giảng viên (2010) Phó trưởng Bộ môn Tâm lý học (2011) |

| | | |
|--|--|---|
| | | Trưởng bộ môn Tâm lý học (2012 – 2017) Phó trưởng khoa Sư phạm (01/2015 - 05/2017) 6/2017 đến nay khoa Khoa học quản lý |
|--|--|---|

Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: khoa học xã hội.
- Chuyên ngành: TÂM LÝ HỌC

2 Hướng nghiên cứu:

1. Các môn thuộc khoa học tâm lý
2. Bạo lực và bạo lực học đường, trí tuệ và trí tuệ cảm xúc
3. Tâm lý học xã hội, tham vấn học đường, kỹ năng sống
4. Tâm lý học quản lý, tâm lý học tổ chức nhân sự

VI. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Đề tài/ dự án:

| <i>TT</i> | <i>Tên đề tài/ dự án</i> | <i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i> | <i>Thời gian thực hiện</i> | <i>Kinh phí (triệu đồng)</i> | <i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i> | <i>Ngày nghiệm thu</i> | <i>Kết quả</i> |
|-----------|---|--|----------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------|
| 1 | Thực trạng chất lượng giảng dạy của giáo viên được đào tạo tại trường CĐSP Bình Phước | Cấp tỉnh | 2005 | 60 triệu | Đồng tác giả | 2005 | khá |
| 2 | Khảo sát trí tuệ của học sinh tiểu học tại thị xã Đồng Xoài tỉnh Bình Phước | ĐHSP TP HCM | 2006 | | Chủ nhiệm | 28/11/2006 | Tốt |
| 3 | Trí tuệ cảm xúc của sinh viên ngành mầm non trường CĐSP Bình Phước | Cấp trường | 2008 | | Chủ nhiệm | 2008 | khá |
| 4 | Trí tuệ cảm xúc của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một | Cấp trường | 2013 | | Chủ nhiệm | 2013 | khá |

| | | | | | | | |
|---|---|------------|------|--|------------------------|----------------|----------------|
| | | | | | đề tài | | |
| 5 | Thái độ của học sinh trung học phổ thông đối với hành vi bạo lực học đường tỉnh Bình Dương. | Cấp NN | 2015 | | Chủ nhiệm đề tài | 2015 | Tốt |
| 6 | Thực trạng, nguyên nhân và một số giải pháp khắc phục tình trạng bạo lực học đường tại các trường phổ thông trên địa bàn TP Cần Thơ | Cấp TP | 2015 | | Cộng tác viên tham gia | 2015 | Tốt |
| 7 | Nhu cầu tham vấn Tâm lý của người dân khu vực Đông Nam bộ | Cấp Trường | 2017 | | Chủ nhiệm đề tài | Đang thực hiện | Đang thực hiện |

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

| <i>TT</i> | <i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i> | <i>Tên luận văn/ luận án</i> | <i>Năm tốt nghiệp</i> | <i>Bậc đào tạo</i> | <i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> |
|-----------|--|------------------------------|-----------------------|--------------------|--|---|
| 1 | | | | Thạc sỹ | | |

3. Các công trình đã công bố

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

| <i>TT</i> | <i>Tên sách</i> | <i>Nhà xuất bản</i> | <i>Năm xuất bản</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> | <i>Bút danh</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> |
|-----------|-----------------|---------------------|---------------------|------------------------------|-----------------|---|
| 1 | | | | | | |

1.2. Sách xuất bản trong nước:

| <i>TT</i> | <i>Tên sách</i> | <i>Nhà xuất bản</i> | <i>Năm</i> | <i>Tác giả/</i> | <i>Bút</i> | <i>Sản phẩm</i> |
|-----------|-----------------|---------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|-----------|-----------------|---------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|

| | | <i>bản</i> | <i>xuất bản</i> | <i>đồng tác giả</i> | <i>danh</i> | <i>của đề tài/ dự án</i> (<i>chỉ ghi mã số</i>) |
|---|--|-------------|-----------------|---------------------|-------------|--|
| 1 | Sách chuyên khảo thái độ của học sinh trung học phổ thông tại Bình Dương đối với hành vi bạo lực học đường | Đại học Huế | 2017 | Tác giả | | <i>Số hiệu ISBN 978 – 604 - 912 - 820 - 2</i> |

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i> | <i>Số hiệu ISSN</i> (<i>ghi rõ thuộc ISI hay không</i>) | <i>Điểm IF</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> (<i>chỉ ghi mã số</i>) |
|-----------|--|--|----------------|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i> | <i>Số hiệu ISSN</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> (<i>chỉ ghi mã số</i>) | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|--|---------------------|---|----------------|
| 1 | Đặc điểm trí tuệ của HS tiểu học TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | 1859-0098 | Tạp chí Tâm lý học xã hội số 10 (10/2009) | 2009 |
| 2 | Bạo lực học đường và hậu quả đối với nạn nhân bị bạo lực học đường | 1859-0098 | Tạp chí Tâm lý học, Số 11 tháng 11/2014. | 2014 |
| 3 | Nguyên cơ dẫn đến hành vi bạo lực học đường tại tỉnh Bình Dương | 1859-0098 | Tạp chí Tâm lý học xã hội số 10 (10/2014) | 2014 |

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i> | <i>Số hiệu ISBN</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> (<i>chỉ ghi mã số</i>) | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|--|---------------------|---|----------------|
| | | | | |

| | | | | |
|---|--|--------------|---|---------|
| 1 | Thực trạng giáo dục Đại học ở Tỉnh Bến Tre | 978-6044-677 | Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế, giáo dục Đại học hiện tại và tương lai, ĐHSP Hà Nội 2 | 3/2011 |
| 2 | Bài báo Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững” tại ĐHKHXH &NV Hà Nội “Nhận thức của học sinh phổ thông đối với hành vi bạo lực học đường, nghiên cứu trường hợp tại Bình Dương” 12/2017 | | Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế, giáo dục Đại học KHXH &NV HN – VIỆN TÂM LÝ HỌC | 12/2017 |
| 3 | Bài báo Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học “Công tác xã hội và an sinh xã hội trong bối cảnh cộng đồng ASEAN: Hội nhập và phát triển bền vững” Tại ĐH Thủ Dầu Một “Thái độ của cha mẹ ở những gia đình nhập cư về bạo lực trẻ em trong gia đình” 11/2017 | | Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế ĐH Thủ Dầu Một | 11/2017 |

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước cấp quốc gia

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức | Số hiệu ISBN | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Ghi chú |
|----|---|-------------------------|--|---------|
| 1 | Những năng lực cần bồi dưỡng cho GV trong giai đoạn đổi mới | ISBN: 978-604-67-0812 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, đổi mới phương pháp giảng dạy trong các trường sư phạm theo hướng phát triển năng lực cho người học, ĐHSP TPHCM | 6/2016 |
| 2 | Những yếu tố tạo nên sự thành công thất bại của quá trình khởi nghiệp | ISBN: 978-604-67-0811-7 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về khởi nghiệp, ĐH Nguyễn Tất Thành- phòng công nghiệp và thương mại VN. | 12/2016 |

| | | | | |
|---|--|------------------------|--|---------|
| 3 | Bài báo Hội thảo khoa học quốc gia về “Tâm lý giáo dục với tình yêu hôn nhân gia đình” ĐH Đà Nẵng “Nhận thức của phụ nữ về bạo lực gia đình tại TP Thủ Dầu Một, Bình Dương” 10/2017 | ISBN: 978-604-80-26639 | Kỷ yếu hội thảo quốc gia ĐHSP – ĐH Đà Nẵng | 10/2017 |
| 4 | Bài báo Hội thảo quốc gia về Quản trị địa phương “Nâng cao uy tín của người cán bộ quản trị địa phương khu vực Đông Nam bộ dưới góc nhìn tâm lý học” tháng 12/2017 | | Kỷ yếu hội thảo quốc gia ĐH Thủ Dầu Một | 12/2017 |

2.5. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước cấp trường

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức | Số hiệu | Sản phẩm | Ghi chú |
|----|---|---------|--|---------|
| 1 | Tư vấn giáo dục kỹ năng sống cho học sinh sinh viên | | Kỷ yếu hội thảo khoa học “giáo dục kỹ năng sống cho học sinh sinh viên” cấp trường ĐH Thủ Dầu Một, 2012 | 2012 |
| 2 | Căng thẳng tâm lý (stress) ở công nhân các khu công nghiệp trong quá trình đô thị hóa | | Kỷ yếu hội thảo khoa học “Tác động của đô thị hóa đến đời sống người dân khu vực Đông Nam bộ” cấp trường ĐH Thủ Dầu Một, 17/5/2017 | 5/2017 |

Xác nhận của cơ quan *Đang*



**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS-TS. Hoàng Trọng Quyên

Bình Dương, ngày 03 tháng 03 năm 2018

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Nga

Đỗ Thị Nga

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers
**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

In: *Psychology*

Upon: *Ms. Do Thi Nga*

Date of birth: 19 October 1979 Place of birth: Binh Phuoc

TL GIÁM ĐỐC
KT/CHÁNH VĂN PHÒNG
P. CHÁNH VĂN PHÒNG



Ths. Trần Thị Xuân

Doctoral authentication decision number: 1000/QĐ - HVKHXH Date: 02/3/2016
Serial number: HT 000013 Reference number: 13 - 16/TL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

cấp
BẰNG TIẾN SĨ

Ngành, chuyên ngành: *Tâm lý học*

Cho: *Bà Đỗ Thị Nga*

Sinh ngày: 19/10/1979 Tại: Binh Phuoc

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
SÀO Y BẢN CHÍNH
Số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2016



GS.TS. Võ Khánh Vinh

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số: 1000/QĐ - HVKHXH ngày: 02/3/2016
Số hiệu bằng: HT 000013 Số vào sổ cấp bằng: 13 - 16/TL

| | | |
|----------------|--|--|
| 1999 – 12/2008 | Trưởng Cán bộ quản lý Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh | Trưởng khoa |
| 2000 - 2002 | Trưởng Cán bộ quản lý Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh | Tham gia Dự án FICEV (đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và thanh tra giáo dục – Hợp tác giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Pháp) với vai trò là giảng viên nguồn cấp quốc gia. |
| 2002 - 2004 | Trưởng Cán bộ quản lý Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh | Tham gia Dự án VVOB về Quản lý nhà trường (Dự án giữa Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục và Đào tạo II và Vương quốc Bỉ), với vai trò là thành viên dự án. |
| 2013 | Trưởng Cán bộ quản lý Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh | Tham gia Dự án phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp với vai trò là tác giả biên soạn, góp ý tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp. |
| 2014 - nay | Trưởng Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|--|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Thực trạng việc sử dụng phương pháp giảng dạy đối với các chuyên đề lý luận quản lý giáo dục ở trường CBQL Giáo dục và Đào tạo II | 2000 - 2001 | Đề tài cấp trường | Chủ nhiệm đề tài |
| 2 | Xây dựng giáo trình nghiệp vụ quản lý trường phổ thông, mã số B2004 – 54 – 03. | 2004 - 2006 | Đề tài cấp Bộ | Chủ nhiệm đề tài |
| 3 | Tăng cường năng lực quản lý của hiệu trưởng trường THPT các tỉnh phía Nam hướng tới xây dựng nhà trường hiệu quả, mã số B2006 – 30 – 01. | 2006 - 2008 | Đề tài cấp Bộ | Thành viên đề tài |

2

| | | | | |
|---|---|-------------|-------------------|-------------------|
| 4 | Phát triển kỹ năng ra quyết định quản lý của hiệu trưởng trường tiểu học, mã số B2008 – 30 – 03 | 2008 - 2011 | Đề tài cấp Bộ | Thành viên đề tài |
| 5 | Biện pháp quản lý hoạt động tự bồi dưỡng đội ngũ giáo viên của hiệu trưởng trường tiểu học một số tỉnh phía Nam | 2009 - 2011 | Đề tài cấp trường | Thành viên đề tài |
| 6 | Thiết kế và sử dụng bài tập tình huống trong giảng dạy khoa học quản lý giáo dục, mã số B2010 – 30 – 06. | 2010 - 2012 | Đề tài cấp Bộ | Chủ nhiệm đề tài |
| 7 | Xây dựng văn hóa nhà trường Trung học phổ thông tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long | 2013 - 2014 | Đề tài cấp trường | Thành viên đề tài |

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí hoặc nơi công bố |
|----|--|-------------|---|
| 1 | Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra giờ dạy trên lớp của giáo viên trường phổ thông | 2005 | Tạp chí Giáo dục, Số 113 |
| 2 | Nghiệp vụ quản lý trường phổ thông tập 1,2,3 (Chủ biên) | 2006 | Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu được tái bản nhiều lần, phục vụ công tác bồi dưỡng CBQL) |
| 3 | Đổi mới đánh giá hoạt động sư phạm của giáo viên trong trường trung học phổ thông | 2007 | Tạp chí Giáo dục, số 168 kỳ 2 – 7/2007 |
| 4 | Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động sư phạm của tổ chuyên môn trong trường trung học phổ thông | 2007 | Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 26, tháng 11/2007 |

3

| | | | |
|----|---|------|---|
| 5 | Cơ sở đánh giá chất lượng hoạt động sư phạm trong trường trung học phổ thông | 2007 | Tạp chí Giáo dục, số 180 Quý IV/2007 |
| 6 | Văn hóa nhà trường – cơ sở của việc xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực | 2009 | Kỷ yếu Câu lạc bộ giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh phía Nam, năm 2009. |
| 7 | Quản lý nhà nước về giáo dục | 2009 | Sách, NXB Hà Nội (đồng tác giả) |
| 8 | Đổi mới văn hóa đánh giá hoạt động sư phạm của giáo viên trường phổ thông | 2010 | Kỷ yếu Câu lạc bộ giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh phía Nam, tháng 4/2010. |
| 9 | Phát triển kỹ năng ra quyết định quản lý của hiệu trưởng trường tiểu học (viết chung với Tạ Thị Hoàng Oanh) | 2010 | Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 18 (tháng 11/2010). |
| 10 | Biện pháp quản lý công tác chủ nhiệm lớp trong trường phổ thông | 2011 | Kỷ yếu Câu lạc bộ giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh phía Nam, tháng 3/2011. |
| 11 | Vận dụng một số tiếp cận hiện đại trong đổi mới quản lý giáo dục | 2012 | Kỷ yếu Câu lạc bộ giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh phía Nam, năm 2012. |
| 12 | Vận dụng quan điểm tiếp cận chất lượng tổng thể trong đào tạo bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp | 2011 | Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 9/2011. |
| 13 | Thiết kế và sử dụng BTTH trong giảng dạy khoa học quản lý giáo dục (viết chung với Tạ Thị Hoàng Oanh) | 2012 | Tạp chí Quản lý Giáo dục số 33, tháng 2/2012. |
| 14 | Thiết kế và sử dụng BTTH trong giảng dạy khoa học quản lý giáo dục (viết | 2012 | Tạp chí Quản lý Giáo dục số 37, tháng 6/2012. |

| | | | |
|----|--|------|--|
| | chung với Nguyễn Thị Hoàng Trâm và Tạ Thị Hoàng Oanh) | | |
| 15 | Sử dụng bài tập tình huống trong đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục | 2013 | Kỷ yếu Câu lạc bộ giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh phía Nam, năm 2013. |
| 16 | Thanh kiểm tra trong giáo dục trung học phổ thông (chuyên đề 6) | 2013 | Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường THPT (NXB Đại học sư phạm) |
| 17 | Module 4: Quản lý nhà trường – Chủ biên | 2013 | Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông, Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh, 2013 |
| 18 | Module 4: Quản lý nhà trường – Chủ biên | 2013 | Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non, Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh, 2013 |
| 19 | Module 4: Quản lý nhà trường – Chủ biên | 2013 | Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường đại học, cao đẳng, Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh, 2013 |
| 20 | Mô hình “Quản lý theo kết quả” và việc vận dụng trong quản lý chuyên môn ở trường phổ thông | 2014 | Kỷ yếu Câu lạc bộ giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh phía Nam, năm 2014. |
| 21 | Đổi mới đánh giá nhân sự trong trường phổ thông | 2014 | Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục số 1 (3/2014). |
| 22 | Nhìn lại công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục ở trường Cán bộ Quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh | 2014 | Kỷ yếu Hội thảo cấp trường |
| 23 | Chương trình và tài liệu giảng dạy: Thanh tra nhân dân trường học | 2014 | Bồi dưỡng Thanh tra nhân dân trường học Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh, 2014 |
| 24 | Vai trò của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong đổi | 2015 | Kỷ yếu Hội thảo câu lạc bộ giám đốc |

| | | | |
|----|--|------|--|
| | mới căn bản, toàn diện giáo dục | | Sở GD – ĐT các tỉnh phía Nam |
| 25 | Đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông | 2016 | Kỷ yếu Hội thảo câu lạc bộ giám đốc Sở GD – ĐT các tỉnh phía Nam |
| 26 | Vai trò của hiệu trưởng và giáo viên trong đổi mới chương trình, sách giáo khoa | 2016 | Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục số 1 (2016). |
| 27 | Góp thêm ý kiến về đào tạo bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý giáo dục | 2017 | Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ giám đốc Sở GD-ĐT các tỉnh phía Nam |
| 28 | Xây dựng văn hóa nhà trường – cơ sở phát triển nhà trường bền vững | 2017 | Hội thảo cấp quốc gia: Vai trò của quản trị địa phương đối với sự phát triển bền vững của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |
| 29 | Đào tạo giáo viên trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay | 2017 | Hội thảo quốc tế: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm. ISBN: 978 604 958 1038 |

Xác nhận của cơ quan *Quyet*



TP.HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Quyet

TS. Trần Thị Tuyết Mai

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING
On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Vietnam Institute of Educational Sciences

HAS CONFERRED UPON

Ms. *Trần Thị Tuyết Mai*
Born **20/06/1959** in *Hà Nội*

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Education

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
This Eighth day of April 2010

BẢN SAO


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước
họp ngày 02 tháng 10 năm 2009
tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ
GIÁO DỤC HỌC

Cho bà *Trần Thị Tuyết Mai*
Sinh ngày **20/06/1959** tại *Hà Nội*

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2010

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực -- 3 4 6 4 5 -- quyển số -- SCT/BS

Ngày 3 1 -12- 2015

Phó Chủ tịch UBND Phường 17 Quận Bình Thạnh

Số bằng: 115 7 2 7

Vũ Văn Phú

| Thời gian | Nơi công tác | Công việc đảm nhiệm |
|-------------|--|---------------------------------|
| 2005 - 2010 | Văn phòng đại diện tại Hà Nội, Viện Nghiên cứu khảo sát Công nghiệp Điện lực Quảng Tây | Phiên dịch viên/Trợ lý giám đốc |
| 2016 - nay | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | | |
| | | | | |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
| | | | |
| | | | |

Xác nhận của cơ quan



KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS-TS. Hoàng Trọng Quyền

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Tạ Thị Chanh Loan



华中师范大学

CENTRAL CHINA NORMAL UNIVERSITY

博士学位证书



TA THI THANH LOAN, 女, 1982 年 3 月 19 日生。在
 华中师范大学 教育经济与管理 学科(专业)
 已通过博士学位的课程考试和论文答辩, 成绩合格。根据《中
 华人民共和国学位条例》的规定, 授予 教育学 博士学位。

校长

学位评定委员会主席

证书编号: 1051122016000069

二〇一六年六月十七日

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HOA TRUNG
BẰNG CHỨNG NHẬN HỌC VỊ TIẾN SĨ

(Hình)

TẠ THỊ THANH LOAN, giới tính **Nữ**, sinh ngày 19 tháng 03 năm 1982. Học chuyên ngành **Quản lý và Kinh tế Giáo dục** tại Đại học Sư phạm Hoa Trung, đã hoàn thành kỳ thi các môn học học vị Tiến sĩ và hoàn thành Bảo vệ Luận văn Học vị Tiến sĩ, thành tích đạt tiêu chuẩn. Căn cứ theo qui định “Điều lệ Học vị của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, cấp Học vị Tiến sĩ **Giáo dục học**.

Hiệu trưởng

Chủ tịch Hội đồng Thẩm định Học vị

Yang Zongkai

Mã Bằng chứng nhận: 1051122016000069

Ngày 17 tháng 06 năm 2016

Tôi, **TẠ THỊ THANH LOAN**, Giấy Chứng minh nhân dân số: 281205675 cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản/giấy tờ này từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt.

Ngày 01 tháng 07 năm 2016

Người dịch



Tạ Thị Thanh Loan

Ngày 01 tháng 07 năm 2016

(Ngày một tháng bảy năm hai nghìn không trăm mười sáu)

Tại Ủy ban Nhân dân Quận 1, tp Hồ Chí Minh. Tôi: *Nguyễn Thị Quỳnh Triều*.....

Là Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 1

Chứng thực bà **TẠ THỊ THANH LOAN** đã ký trước mặt tôi.

Số Chứng thực: 23092

Quyển số: 7/2016 – SCT/CKND

Ngày 01 tháng 07 năm 2016

Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 1



Nguyễn Thị Quỳnh Triều

博士研究生
毕业证书



TATHI THANH LOAN 先生/女士, 国籍 越南

1982 年 03 月 19 日生, 于 2013 年 09 月至 2016 年 07 月

在本校 教育经济与管理 专业学习, 学制三年, 修完博士研究生
培养计划规定的全部课程, 成绩合格, 毕业论文答辩通过, 准予毕业。

校名: 华中师范大学

证书编号: 105119201601000012

校(院)长:

凯杨
印宗

二〇一六年六月十七日

查询网址: <http://www.chsi.com.cn>

BÀI

NGHIÊN CỨU SINH TIÊN SĨ
BẰNG TỐT NGHIỆP

(Hình)

TẠ THỊ THANH LOAN, giới tính Nữ, Quốc tịch Việt Nam, sinh ngày 19 tháng 03 năm 1982. Học chuyên ngành Quản lý và Kinh tế Giáo dục tại Đại học Sư phạm Hoa Trung từ tháng 09 năm 2013 đến tháng 07 năm 2016, thời gian học 03 năm, đã hoàn thành toàn bộ các môn học theo qui định Kế hoạch đào tạo Nghiên cứu sinh Tiến sĩ, thành tích đạt tiêu chuẩn, bảo vệ luận văn tốt nghiệp được thông qua, được phép tốt nghiệp.

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HOA TRUNG

Mã bằng chứng nhận: 105119201601000012

Hiệu trưởng: Yang Zongkai

Ngày 17 tháng 06 năm 2016

Web tra vấn thông tin: <http://www.chsi.com.cn>

Tôi, **TẠ THỊ THANH LOAN**, Giấy Chứng minh nhân dân số: 281205675 cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản/giấy tờ này từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt.

Ngày 01 tháng 07 năm 2016

Người dịch



Tạ Thị Thanh Loan

Ngày 01 tháng 07 năm 2016

(Ngày một tháng bảy năm hai nghìn không trăm mười sáu)

Tại Ủy ban Nhân dân Quận 1, tp Hồ Chí Minh.

Tôi.....*Nguyễn Thị Quỳnh Châu*

Là Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 1

Chứng thực bà **TẠ THỊ THANH LOAN** đã ký trước mặt tôi.

Số Chứng thực: 23093

Quyển số: 7/2016 – SCT/CKND

Ngày 01 tháng 07 năm 2016

Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 1



Nguyễn Thị Quỳnh Châu

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian | Nơi công tác | Công việc đảm nhiệm |
|--------------------------|----------------------------|---------------------|
| Từ tháng 10/2003 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|--|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Lựa chọn tư liệu minh họa tích hợp phục vụ giảng dạy chương III môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Cao đẳng sư phạm Bình Dương | 2006 | Đề tài NCKH cấp trường | Chủ nhiệm |
| 2 | Vận dụng thơ văn cách mạng nhằm gây hứng thú cho sinh viên trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Cao đẳng sư phạm Bình Dương | 2007 | Đề tài NCKH cấp trường | Chủ nhiệm |
| 3 | Đảng lãnh đạo kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ở miền Nam giai đoạn 1961 – 1965 | 2007 | Đề tài NCKH cấp trường | Chủ nhiệm |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên với việc rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Thủ Dầu Một | 2014 | Đề tài NCKH cấp trường | Chủ nhiệm |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
|----|----------------|-------------|-------------|



| | | | |
|--|--|------|------------------------------------|
| | | | |
| | ThS. Nguyễn Văn Linh, “Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2001 – 1012)”, <i>Tạp chí Lịch sử Đảng</i> , trang 86 – 89, Số (284) tháng 5/2014. | 2014 | <i>Tạp chí Lịch sử Đảng</i> |
| | “Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo phát triển công nghiệp (1997 - 2015)”, <i>Tạp chí Lịch sử Đảng</i> tháng 7/2017. | 2017 | <i>Tạp chí Lịch sử Đảng</i> tháng. |
| | “ <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và sự vận dụng của Đảng bộ tỉnh Bình Dương trong thời kỳ đổi mới</i> ”, <i>Tạp chí Lý luận Chính trị</i> , tháng 9/2017 | 2017 | <i>Tạp chí Lý luận Chính trị</i> |

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Nguyễn Văn Linh

Xác nhận của cơ quan
TL.HIỆU TRƯỞNG
TP.TỔ CHỨC



Huỳnh Công Danh



IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|---|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | Rèn luyện tư duy biện chứng cho sinh viên thông qua giảng dạy phần 1 môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | 2014 | Trường | Chủ nhiệm |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|---|-------------|-----------------------------------|
| | Trần Thị Thủy, Một số giải pháp nâng cao chất lượng môi trường ở Bình Dương. Tạp chí Văn phòng cấp ủy (ISSN 1859 – 2031) Văn phòng Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, số 5/2011 | 2011 | Văn phòng cấp ủy |
| | Trần Thị Thủy. Một số vấn đề biển đảo cần quan tâm. Tạp chí, Biển Việt Nam (ISSN1859-0233) số 4+5/2011 | 2011 | Biển Việt Nam |
| | Trần Thị Thủy. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Tạp chí, Lý luận chính trị và truyền thông, (ISSN: 1859-1485) số tháng 4-2012 | 2012 | Lý luận chính trị và truyền thông |

Thủ Dầu Một, ngày 6 tháng 3 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

TL.HIỆU TRƯỞNG
TP.TỔ CHỨC



Huỳnh Công Danh

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. TRẦN THỊ THỦY

- Từ 2017 đến nay: Trưởng Bộ môn

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | | |
| | | | | |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|--|-------------|--|
| 1 | Một số vấn đề về phát triển kinh tế đất nước quan bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 2015 | Sách <i>Nghiên cứu và học tập Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh</i> , 2015, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |
| 2 | “Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học” - Những công hiến của Ph.Ăngghen về lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học | 2015 | Hội thảo <i>Tư tưởng của Ăngghen về chủ nghĩa xã hội khoa học - giá trị lý luận và thực tiễn đối với Việt Nam</i> , 11/2015, Khoa Lý luận Chính trị ĐH Thủ Dầu Một |
| 3 | Những cống hiến có tính thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người | 2016 | Hội thảo <i>Đảm bảo quyền con người trong luật tố tụng hình sự</i> , 06/2016, Khoa Luật ĐH Thủ Dầu Một |
| 4 | Nâng cao chất lượng dạy và học môn tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường cao đẳng, đại học hiện nay | 2016 | Hội thảo <i>Giảng dạy và học tập bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường cao đẳng, đại học hiện nay</i> , 5/2016, ĐH Thủ Dầu Một |
| 5 | Lý luận về Nhà nước trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng” và bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam | 2017 | Hội thảo Trung tâm Lý luận Chính trị, ĐH Thủ Dầu Một |
| 6 | Học tập và làm theo phong cách ứng xử Hồ Chí Minh qua Chi thị 05 của Bộ Chính trị | 2017 | Hội thảo Trung tâm Lý luận Chính trị, ĐH Thủ Dầu Một |
| 7 | Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh theo tinh thần Đại hội XII - Sự hiện thực hóa quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng | 2017 | Tạp chí Giáo chức Việt Nam, Số 121 |

2

| | | | |
|---|------------------------------------|------|---------------------------|
| 8 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên | 2017 | Tạp chí Thanh niên, số 12 |
|---|------------------------------------|------|---------------------------|

....., ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan



**TL.HIỆU TRƯỞNG
TP.TỔ CHỨC**

Huỳnh Công Danh

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

[Handwritten signature]

Trần Trung Chung



IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|--|-------------|---|
| 1 | Quan niệm của giảng viên trẻ về nhu cầu thành đạt trong nghề nghiệp | 2017 | Tạp chí giáo chức |
| 2 | Những khó khăn tâm lý phụ nữ thường gặp sau khi sinh con đầu lòng | 2017 | Hội thảo quốc gia “Tình yêu, hôn nhân gia đình” |
| 3 | Ảnh hưởng của ly hôn đến sự phát triển tâm lý của trẻ thiếu niên | 2017 | Hội thảo quốc gia “Tình yêu, hôn nhân gia đình” |
| 4 | Nhu cầu thành đạt trong nghề nghiệp của giảng viên trẻ ở một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh | 2017 | Hội thảo quốc tế “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững” |

Xác nhận của cơ quan *Phan*



Phan
Bình Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phan
Nguyễn Thị Thanh Phương

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Trịnh Thị Cẩm Tuyền** Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 12/12/1988 Nơi sinh: Tây Sơn, Bình Định
Quê quán: Tây Sơn, Bình Định Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm, nước nhận học vị: 2013
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường Đại Học Thủ Dầu Một
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại Học Thủ Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại liên hệ: CQ: 38151154 NR: ĐD: **0984.153.043**
Fax: Email: trinhthicamtuyen@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Quy Nhơn; Ngành học: Tâm lý - Giáo dục; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2010

2. Sau đại học

Thạc sĩ chuyên ngành: Tâm lý học; Năm cấp bằng: 2013; Nơi đào tạo: Đại học Sư Phạm Huế.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: Khá
2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi công tác</i> | <i>Chức vụ, công việc đảm nhiệm</i> |
|--------------------|----------------------------------|---|
| Từ 05/2014 đến nay | Giảng viên Trường ĐH Thủ Dầu Một | Giảng dạy theo phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Khoa |

* Tham gia thỉnh giảng cho các trường:

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| T T | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|--------|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | | |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố/ Tên tạp chí |
|----|---|---|
| 1 | Khả năng tự đánh giá bản thân của học sinh THPT huyện Tây Sơn – tỉnh Bình Định, | Kỷ yếu Hội nghị khoa học sau Đại học lần thứ nhất, 10/2013, Đại học Huế. <i>ISBN: 978-604-912-052-7</i> |
| 2 | Nâng cao nhận thức của người cán bộ quản lý giáo dục về vấn đề xung đột trong tập thể, | Kỷ yếu hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục”, 11/2015, Đại học Vinh. <i>ISBN: 978-604-923-181-0</i> |
| 3 | Hoàn thiện việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các môn khoa học xã hội của sinh viên theo hướng khách quan hóa,. | Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh”, 11/2015 |
| 4 | Lý giải nguyên nhân và đề xuất biện pháp ngăn chặn bạo lực học đường từ học thuyết phân tâm học của Sigmund Freud | Kỷ yếu hội thảo khoa học “Thực trạng và giải pháp ngăn chặn bạo lực học đường trong trường phổ thông”, 12/2014, Đại học Sư phạm Hồ Chí Minh. |

Xác nhận của cơ quan *Đang*
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS-TS. Hoàng Trọng Quý

Bình Dương, ngày 5 tháng 02 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



ThS. Trịnh Thị Cẩm Tuyền

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE PRESIDENT OF
HUE UNIVERSITY

GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC HUẾ

confers

cấp

THE DEGREE OF
MASTER OF ARTS
IN PSYCHOLOGY

BẰNG THẠC SĨ
TÂM LÝ HỌC

Upon: Mr (Ms) Trinh Thi Cam Tuyen

Cho: Bà Trịnh Thị Cẩm Tuyền

Born on: 12/12/1988

Sinh ngày 12/12/1988 tại Thừa Thiên Huế
Số chứng thực 2159 Quyển số: 1 SCT/BS
Ngày 18 tháng 4 năm 2014
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP Q.THỦ ĐỨC

Given under the seal of Hue University

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2013



Lam Hợp Tác



PGS.TS. NGUYỄN VĂN TOÀN

Serial number: 0002857

Số hiệu: 0002857

Reference number: ST- 02969

Số vào sổ cấp bằng: ST- 02969

| Thời gian | Nơi công tác | Chức vụ |
|----------------------|--|---|
| Từ 8/2009 đến 3/2010 | Trường Tiểu học Việt Anh (Thủ Đức – TP. HCM) | Giáo viên |
| Từ 4/2010 đến 9/2013 | Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. HCM | Chuyên viên kiểm định chất lượng giáo dục |
| Từ 10/2013 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|---|-------------|---|
| 1 | Nhận thức của sinh viên Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh về một số giá trị sống theo UNESCO. | 2017 | Tạp chí giáo chức 1859-2902 |
| 2 | Những khó khăn tâm lý phụ nữ thường gặp sau khi sinh con đầu lòng. | 2017 | Kì yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Tâm lý học, Giáo dục học với Tình yêu, hôn nhân và gia đình”. ISBN: 978-604-80-2663-9 |
| 3 | Tự đánh giá kĩ năng thuyết trình trong học tập của sinh viên ngành Giáo dục học, Đại học Thủ Dầu Một. | 2017 | Tạp chí giáo chức 1859-2902 |
| 4 | Nhu cầu giải trí của Sinh viên đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. | 2017 | Kì yếu Hội thảo quốc tế “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững”. ISBN: 978-60462-9912-7 |

Bình Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của cơ quan
KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS-TS. Hoàng Trọng Quyền

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Trần Kim An

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
THE RECTOR
OF THE HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

confers
THE DEGREE OF MASTER
of arts in Psychology

Upon: (Mr, Ms) *Tran Kim An*
Born on: **March 05, 1986**

Given under the seal of
The Ho Chi Minh City University of Education
March 20, 2013

Serial number: **A 045742**
Reference number: **2147**

BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG THẠC SĨ
TÂM LÝ HỌC
(Tâm lý học)

Cho: *Trần Kim An*
Sinh ngày: **05/03/1986**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Kim Hồng

Số hiệu: **A 045742**
Số vào sổ cấp bằng: **2147**

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.
Số chứng thực: **26** Quyển số: **7** SCTB:
Ngày.....tháng.....năm.....
03-08-2013

Chủ tịch UBND PHƯỜNG TÂN THỜI NHẤT

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | | |
| | | | | |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

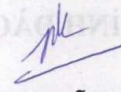
| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
| | | | |
| | | | |

Bình Dương, ngày 28 tháng 2 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)


Th.S. Phạm Nguyễn Lan Phương

| Thời gian | Nội dung tác | Công việc đảm nhiệm |
|--------------|--------------------------|---------------------|
| 2011 đến nay | Tuổi Đại học Thủ Dầu Một | Giảng dạy |
| | | |

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
THE RECTOR
OF THE HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

confers
THE DEGREE OF MASTER
of arts in Psychology

Upon: (Mr, Ms) *Pham Nguyen Lan Phuong*
Born on: March 20, 1987

Given under the seal of
The Ho Chi Minh City University of Education

March 20, 2013

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực: 02 / Duyệt số: 01 / SGT/BS
Ngày: 27 / 02 / 2013



Serial number: **A 045754**
Reference number: **2159**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG THẠC SĨ
TÂM LÝ HỌC
(Tâm lý học)

Cho: *Phạm Nguyễn Lan Phương*
Sinh ngày: 20/03/1987

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013



PGS.TS Nguyễn Kim Hồng

Số hiệu: **A 045754**
Số vào sổ cấp bằng: **2159**

Phụ lục IV
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUẤN ANH Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 21/01/1983 Nơi sinh: Bình Dương
Quê quán: Bình Dương Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm, nước nhận học vị: 2008
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Phó trưởng bộ môn
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 85/87/29 Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, Tp.
Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại liên hệ: DD: 0977 395639
Fax: Email: anhntt@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh;
Ngành học: Tâm lý giáo dục; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2004

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Tâm lý học; Năm cấp bằng: 2008; Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: Khá

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian | Nơi công tác | Công việc đảm nhiệm |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| 2004 đến nay (2018) | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng dạy |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

1

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|---|---------------|--------------------------------|
| 1 | <i>Kỹ năng thuyết trình- một nội dung giáo dục cần thiết cho sinh viên đại học.</i> | Số 1 (8) 2013 | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một. |
| 2 | <i>Trí tuệ cảm xúc của sinh viên khoa Sư phạm trường đại học Thủ Dầu Một, Kỳ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững”.</i> | 2017 | NXB ĐH QG Hà Nội. |
| 3 | <i>Nguyên nhân trẻ em làm trái pháp luật và biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ giúp trẻ tái hòa nhập cộng đồng, Kỳ yếu hội thảo quốc tế Công tác xã hội và an sinh xã hội trong bối cảnh cộng đồng ASEAN: Hội nhập và phát triển bền vững 2017.</i> | 2017 | ĐH Thủ Dầu Một |
| 4 | <i>Ảnh hưởng của ly hôn đến sự phát triển tâm lý của trẻ tuổi thiếu niên, Kỳ yếu hội thảo khoa học toàn quốc lần thứ 2 “Tâm lý học, giáo dục học với tình yêu, hôn nhân và gia đình”.</i> | 2017 | NXB Thông tin và truyền thông. |

Bình Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người khai kí tên

hal

ThS. Nguyễn Thị Tuấn Anh

Xác nhận của cơ quan *Đan*
KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Hoàng Trọng Quý

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN GỐC
Số chứng thực: 5496... SCT/BS
Ngày: 17/03/2009...
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



Đoàn Đình Hải

THE PRESIDENT OF HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Nguyen Thi Tuan Anh
Born 21-01-1983 in Binh Duong

THE DEGREE OF
MASTER OF ARTS
in Psychology



Given under the seal of Hanoi National University of Education
Hanoi, 17th March 2009



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ
TÂM LÝ HỌC

Cho Bà Nguyễn Thị Tuấn Anh
Sinh ngày 21-01-1983 tại Bình Dương

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2009



Số bằng: 5476

Nº.A 032.13



G.S.T.S. Nguyễn Việt Thịnh

Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Trịnh Phương Thảo** Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 24/ 03/ 1983 Nơi sinh: Ninh Bình
Quê quán: Ninh Bình Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm, nước nhận học vị: 2008.
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Khoa học quản lý
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Phú Hòa- TP. Thủ Dầu Một- Bình Dương.
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: ĐD: 0978 624 384
Fax: Email: thaotp@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh;
Ngành học: Tâm lý giáo dục; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2005

2. Sau đại học

Thạc sĩ chuyên ngành: Tâm lý học; Năm cấp bằng: 2008;
Nơi đào tạo: ĐHSP Hà Nội.

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian | Nơi công tác | Công việc đảm nhiệm |
|------------|-----------------------|---------------------|
| 2008- 2009 | Trường ĐH Thủy Lợi | Giảng viên |
| 2010- 2018 | Trường ĐH Thủ Dầu Một | Giảng viên |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|--|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | Văn hóa ứng xử của gia đình ven đô dưới tác động của đô thị hóa. | 2017 | Trường | Tác giả |
| | Nâng cao kỹ năng giao | 2017 | Trường | Đồng tác giả |

1

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | tiếp với nhân dân của cán bộ công chức phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương | | | |
|--|--|--|--|--|

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
| | | | |
| | | | |

Xác nhận của cơ quan



Bình. Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Th.S Trịnh Phương Thảo



THE PRESIDENT OF HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Trinh Phuong Thao
Born 24-03-1983 in Ninh Binh

THE DEGREE OF

MASTER OF ARTS
in Psychology



Given under the seal of Hanoi National University of Education

Hanoi, 17th March 2009



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

TÂM LÝ HỌC

*Cho Bà **Trịnh Phương Thảo**
Sinh ngày 24-03-1983 tại Ninh Bình*

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2009



Số bằng: 5482

Nº. A 049691

GS.TS. Nguyễn Việt Thịnh

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi công tác</i> | <i>Chức vụ, công việc đảm nhiệm</i> |
|--------------------|----------------------------------|---|
| Từ 2010 đến 3/2012 | Trung tâm ATC | - Giáo viên dạy trẻ tự kỷ |
| Từ 3/2012 đến nay | Giảng viên Trường ĐH Thủ Dầu Một | Giảng dạy theo phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Khoa |

* Tham gia thỉnh giảng cho các trường:

- Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc Gia TP. HCM: Giảng dạy các học phần: Tâm lý học đại cương

- Trung cấp Tài chính Kế toán Bình Dương, Giảng dạy các học phần: Tâm lý học đại cương, Tâm lý trẻ em.

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| T T | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|--------|---|----------------------------|--|-----------------------------------|
| 01 | Thực trạng hoạt động dạy học trong việc đảm bảo chất lượng đầu vào và kết quả đầu ra môn tiếng Anh của học sinh các cấp học phổ thông của các tỉnh/ thành phố khu vực phía Nam. | 2015-2016 | Đề tài khoa học cơ sở, Trường Đại học Sư phạm TP. HCM. | Thành viên |
| 02 | Sách tham khảo “Thích ứng với môi trường công việc khi thực tập” | ĐH Sư phạm TP. HCM, 2016 | Sách chuyên khảo | Đồng tác giả |
| 03 | Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 6 | NXB Giáo dục, 2017 | Sách tham khảo | Đồng tác giả |
| 04 | Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 8 | NXB Giáo dục, 2017 | Sách tham khảo | Đồng tác giả |
| 05 | Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 9 | NXB Giáo dục, 2017 | Sách tham khảo | Đồng tác giả |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

2

| TT | Tên công trình | Năm công bố/ Tên tạp chí |
|----|--|--|
| 1 | Cách ứng phó với áp lực tâm lý của trẻ lao động sớm | Tạp chí Dạy và học ngày nay, tháng 10/2012 ISSN 1859 - 2694 |
| 2 | Thực nghiệm nâng cao nhận thức về áp lực tâm lý và cách ứng phó với áp lực tâm lý cho trẻ lao động sớm | Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM, ISSN 1859-3100 |
| 3 | Áp lực tâm lý của trẻ lao động sớm dưới tác động của quá trình đô thị hóa tại TP. HCM | Hội thảo Quốc gia “Đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững vùng Nam Bộ” ISBN: 978-604-956-116-0 |
| 4 | Những hạn chế của chính sách miễn học phí cho SV Sư phạm trong quá trình thực thi | Hội thảo cấp Bộ “Tác động của chính sách miễn học phí cho SV Sư phạm đến chất lượng tuyển sinh và đào tạo giáo viên ISBN: 978-604-958-119-9 |

Bình Dương, ngày tháng 02 năm 2018

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



ThS. Nguyễn Thị Nhung

Xác nhận của cơ quan



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

GS-TS. Hoàng Trọng Quyên

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
THE RECTOR
OF THE HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

confers
THE DEGREE OF MASTER
of arts in Psychology

Upon: (Mr, Ms) *Nguyen Thi Nhung*
Born on: June 06, 1988

Given under the seal of
The Ho Chi Minh City University of Education
March 20, 2013

Serial number: A 045753
Reference number: 2158

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG THẠC SĨ
TÂM LÝ HỌC
(Tâm lý học)

Cho: *Nguyen Thi Nhung*
Sinh ngày 06/06/1988

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

UBND PHƯỜNG TRĂNG DÀI
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY
ĐÚNG BẢN CHÍNH
Ngày 11-10-2017
Số: 4
CHỦ TỊCH UBND P. TRĂNG DÀI



HIỆU TRƯỞNG

BGS. TS. Nguyễn Kim Hồng

Số hiệu: _____
Số vào sổ cấp bằng: 2158

Dương Kim Trúc

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|--|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Xây dựng giải pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của HS tiểu học người DTTS tỉnh Kon Tum | 2009/2010 | Tỉnh | Thành viên |
| 2 | Biện pháp nâng cao chất lượng Rèn luyện NVSP ở trường CĐSP Kon Tum | 2007/2008 | Trường | Thành viên |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
| | | | |
| | | | |

Bình Dương, ngày 04 tháng 2 năm 2018

Xác nhận của cơ quan



PGS-TS. Hoàng Trọng Quý

Người khai kí tên

ThS Nguyễn Văn Thăng



THE RECTOR OF HANOI UNIVERSITY OF EDUCATION

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. Nguyen Van Thang
Born 20-10-1977 in Ninh Binh

THE DEGREE OF

MASTER OF ARTS
in Psychology



Given under the seal of Hanoi University of Education
This third day of March 2006

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thư: 1035/01...Tuyên số: SCT/BS
Ngày: 05-03-2018
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHÚ HÒA



PHAN VĂN LƯỢNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

TÂM LÝ HỌC

Cho Ông **Nguyễn Văn Thang**
Sinh ngày 20-10-1977 tại Ninh Bình

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2006
HIỆU TRƯỞNG



Số bằng: 2119

Nº. A : 22303

GS.TS. Đinh Quang Báo

Ngày 20 tháng 2 năm 2019

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH⁵
Tên ngành: Tâm lý học Mã số: 7 31 04 01

| TT | Điều kiện mở ngành | Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo | Ghi chú |
|--|--|--|---------|
| 1 | Sự cần thiết phải mở ngành Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia 1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành | Phù hợp với nhu cầu và phát triển của xã hội Phù hợp với danh mục đào tạo cấp IV trình độ đào tạo | |
| | 1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có) | | |
| | 1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo). | Có | |
| | 1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo | Có | |
| | Đội ngũ giảng viên Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo | 12 GV (100%) | |
| Giảng viên cơ hữu Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: Số tiến sỹ cùng ngành: Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo | 08 GV 02 GV 08 GV Đủ 12 LLKH | | |
| 2.4. Giảng viên thỉnh giảng | 04 (giảng dạy một số môn chung) | | |

⁵ Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| | | | |
|---|--|--|--|
| | 2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có). | Trình độ chuyên môn, LLKH, Bằng cấp + chứng chỉ đầy đủ | |
| 3 | Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo | Đảm bảo về số lượng và chất lượng Có Có | |
| 4 | Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo | Có Có Có | |
| 5 | Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định | Có Có | |
| | Biên bản Hội đồng thẩm định | | |
| | 5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có) | | |

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS Ngô Hồng Điệp

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Trường THCS Tân Đông.
2. Địa chỉ: KP3, phường Tân Đông, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
3. Số điện thoại: 02713.879060 Email: thcstandong@yahoo.com.vn
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Giáo dục cấp THCS.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn | Giai đoạn |
|----|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | | 2017-2020 (số lượng nhân sự) | 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 02 |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 02 |

Tân Đông, ngày 30 tháng 01 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



Lê Xuân Trường

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: trường tiểu học Võ Thị Sáu
2. Địa chỉ: khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
3. Số điện thoại: 0274.3564042 Email: tieuhocvothisau@bc.sgdmbinhduong.edu.vn
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự) | Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
|----|--|--|--|
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 02 | 01 |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 03 | 04 |

Mỹ Phước, ngày 31 tháng 01 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



Trần Quang Kiệt

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị : *Trường THCS Phú Long*
- Địa chỉ : *Phường Lái Thiêu - TX Thuận An - Bình Dương.*
- Số điện thoại : *02743 75949* Email : *thcs-phulong@ta.sgd.binhduong.edu.vn*
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị : *Giáo dục*

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn | Giai đoạn |
|----|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | | 2017-2020 (số lượng nhân sự) | 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 01 |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 01 |

Lái Thiêu... ngày *02* tháng *02* năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

(Ký tên đóng dấu)



Phan Lê Huy

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: Trường TH An Điền
- Địa chỉ: Ấp Kiến AN- xã An Điền- Thị xã Bến Cát- tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: 3564.679 Email:
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Giáo dục Tiểu học.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự) | Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
|----|--|--|--|
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 0 | 1 |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 0 | 0 |

An Điền, ngày.../... tháng.../... năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

(Ký tên đóng dấu)


TRƯỜNG
TIỂU HỌC
AN ĐIỀN
Nguyễn Chi Tuyết Minh

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị *Trung tâm Y tế Bình Dương TX. Dĩ An*
2. Địa chỉ *700 25747*
3. Số điện thoại *0918270071* Email *hongquang071@gmail.com*
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự) | Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
|----|--|--|--|
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | <i>01</i> | <i>01</i> |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | <i>01</i> | <i>01</i> |

..... ngày *2* tháng *2* năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký tên đóng dấu)



BS. Ngô Hồng Quang

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Phòng khám đa khoa Phúc Tâm Phúc
2. Địa chỉ: Ấp 2, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Số điện thoại : 02746278904 Email
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: kHám chữa bệnh

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự) | Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
|----|--|--|--|
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 02 |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 02 |

..... ngày tháng..... năm 2018



BS. CKI Đồng Thanh Kịch

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: Phòng khám đa khoa Phúc Tâm Phúc
- Địa chỉ: Ấp 2, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại : 02746278904 Email
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Khám chữa bệnh

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự) | Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
|----|--|--|--|
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 02 |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | 01 | 02 |

..... ngày..... tháng..... năm 2018



BS. CKI Đồng Thanh Kịch

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý trường học, cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý Ông/Bà vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị *Sở GD-ĐT Bình Phước*
2. Địa chỉ *QL 14, TX Đông Xoài - Bình Phước*
3. Số điện thoại *02713870163* Email
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: *Quản lý giáo dục và đào tạo*

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát | Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự) | Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự) |
|----|--|--|--|
| 1 | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | <i>50</i> | <i>14</i> |
| 2 | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tâm lý học | <i>150</i> | <i>140</i> |

Bình Phước, ngày *31*. tháng *01*. năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hồ Hải Thạch

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2018

PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
Về việc mở đào tạo đại học ngành Tâm lý học
tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

Kính gửi: Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một đang thực hiện thu thập ý kiến của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Bình Dương và khu vực miền Đông Nam Bộ về sự cần thiết mở đào tạo đại học chuyên ngành Tâm lý học. Vì vậy chúng tôi có ý kiến như sau:

1. Từ ngày thành lập đến nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã đào tạo hàng ngàn cử nhân góp phần đáp ứng một phần quan trọng nguồn nhân lực cho các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó có TP Thủ Dầu Một và Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một.

2. Tỉnh Bình Dương trong những năm gần đây có sự biến động nhanh chóng về số lượng, thành phần dân cư, sự thay đổi căn bản cấu trúc nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và sự biến động sâu sắc, phức tạp các quan hệ xã hội - kinh tế, văn hóa, tâm lý con người đặt ra cho tỉnh nhiệm vụ xây dựng được nguồn nhân lực có chuyên môn và trình độ đại học về Tâm lý học. Việc giáo dục nhận thức chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh, cán bộ giáo viên có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, có hiểu biết về tâm sinh lý con người, hiểu biết về tâm lý theo lứa tuổi, việc trị liệu các bệnh tâm lý, tiếp cận xử lý tình huống trong cuộc sống, công tác giáo dục... là những vấn đề rất thiết thực hiện nay.

3. Trong những năm qua Trường Đại học Thủ Dầu Một đã chuẩn bị đội ngũ cán bộ, giảng viên và cơ sở vật chất tốt đáp ứng việc đào tạo đại học ngành Tâm lý học là một tín hiệu rất đáng hoan nghênh, vì nhà trường đáp ứng những yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các Trường học, các trung tâm hỗ trợ chăm sóc giáo dục thanh thiếu niên trong địa bàn tỉnh Bình Dương và khu vực Đông Nam Bộ.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một có chức năng giúp UBND TP Thủ Dầu Một quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo, bồi dưỡng về lý luận, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên trong các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố. Đối chiếu với nội dung, chương trình đào tạo ngành Tâm lý học, chúng tôi thấy có nhu cầu sử dụng lao động có trình độ đại học ngành Tâm lý học vào làm việc ở các bộ phận làm công tác tư vấn

tâm lý học đường cho học sinh, giáo viên. Cán bộ giáo viên của các trường học trên địa bàn có mong muốn được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ hiểu biết về tâm lý con người để đáp ứng ngày một tốt hơn công tác chuyên môn và cuộc sống trong xã hội hiện đại.

Do đó, chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc Trường Đại học Thủ Dầu Một mở đào tạo chuyên ngành Tâm lý học trình độ Đại học.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư, TCCB (Trí 3).

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Chết

Số: 271/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 28 tháng 2 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng khoa học đào tạo
thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo giúp Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một xem xét, góp ý Chương trình đào tạo trong hồ sơ mở ngành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

Danh sách Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo
*(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHTDM ngày 28 tháng 2 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Nhiệm vụ | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|
| 1 | TS Ngô Hồng Điệp | Phó Hiệu trưởng | Chủ tịch | |
| 2 | ThS Lê Thị Kim Út | Trưởng phòng Đào tạo đại học | Thành viên | |
| 3 | ThS Huỳnh Công Danh | Trưởng phòng Tổ chức | Thành viên | |
| 4 | ThS Nguyễn Hữu Thuận | Trưởng phòng Cơ sở vật chất | Thành viên | |
| 5 | ThS Võ Thị Cẩm Vân | Giám đốc Trung tâm học liệu | Thành viên | |
| 6 | Và các ông bà Trưởng nhóm soạn thảo | Thư ký cuộc họp | Thành viên | Mời tham gia Hội đồng |

Số: 91/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 30 tháng 1 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

**Danh sách Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo
trình độ đại học**

*(Kèm theo Quyết định số 91/QĐ-ĐHTDM ngày 30 tháng 1 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Nhiệm vụ | Chương trình đào tạo |
|----|--------------------------|--------------------------|-------------|-------------------------------------|
| 1 | TS. Nguyễn Hồ Quang | Giám đốc chương trình | Trưởng nhóm | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 2 | ThS. Nguyễn Đình Phước | Giảng viên | Thành Viên | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 3 | ThS. Đinh Hải Lâm | Thư ký chương trình | Thành Viên | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 1 | TS Trịnh Dũng | Giảng viên | Trưởng nhóm | Thiết kế đồ họa |
| 2 | ThS Lê Quang Lợi | Giảng viên | Thành viên | Thiết kế đồ họa |
| 3 | ThS Lê Thị Thanh Loan | Giảng viên | Thành viên | Thiết kế đồ họa |
| 1 | PGS.TS Nguyễn Ngọc Dung | Giám đốc chương trình | Trưởng nhóm | Quốc tế học |
| 2 | TS. Nguyễn Hoàng Huê | P. Giám đốc chương trình | Thành Viên | Quốc tế học |
| 3 | ThS. Lê Thị Bích Ngọc | Thư ký chương trình | Thành Viên | Quốc tế học |
| 4 | ThS. Nguyễn Hà Trang | Giảng viên | | |
| 1 | TS. Tạ Anh Thư | Giám đốc chương trình | Trưởng nhóm | Văn học |
| 2 | TS. Nguyễn Thị Kim Tiến | Giảng viên | Thành viên | Văn học |
| 3 | TS. Hà Thanh Vân | Giảng viên | Thành viên | Văn học |
| 1 | TS Đồng Văn Toàn | Giám đốc chương trình | Trưởng nhóm | Tâm lý học |
| 2 | ThS. Nguyễn Văn Thăng | Giảng viên | Thành viên | Tâm lý học |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Tuấn Anh | Giảng viên | Thành viên | Tâm lý học |
| 1 | TS. Nguyễn Hán Khanh | Giám đốc chương trình | Trưởng nhóm | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 2 | ThS. Bùi Thành Tâm | Giảng viên | Thành Viên | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 3 | ThS. Trần Thụy Vũ | Giảng viên | Thành Viên | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |

Số: 130/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 15 tháng 2 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định
Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

Danh sách Hội đồng thẩm định
Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo
(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHTDM ngày 15 tháng 2 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Nhiệm vụ | Ghi chú |
|----|----------------------------|---|-------------|-------------------------|
| 1 | PGS. TS. Lê Anh Tuấn | Bộ môn Kỹ thuật ô tô, trường Đại học Hàng hải Việt Nam. | Chủ tịch | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 2 | TS. Nguyễn Tiến Dũng | Trưởng Bộ môn Kỹ thuật ô tô, trường Đại học Hàng hải Việt Nam. | Phản biện 1 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 3 | PGS. TS. Nguyễn Thành Công | Phó trưởng Bộ môn Cơ khí ô tô, trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội. | Phản biện 2 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 4 | TS. Nguyễn Hồ Quang | Giám đốc chương trình Công nghệ kỹ thuật ô tô, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Đại học Thủ Dầu Một | Ủy viên | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 5 | ThS. Đinh Hải Lâm | Khoa Kỹ thuật công nghệ, Đại học Thủ Dầu Một | Thư ký | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 1 | GS. TS. Nguyễn Xuân Tiên | Đại học Mỹ thuật TP. HCM | Chủ tịch | Thiết kế đồ họa |
| 2 | PGS.TS Cung Dương Hằng | Đại học Mỹ thuật TP. HCM | Phản biện 1 | Thiết kế đồ họa |
| 3 | TS. Nguyễn Đức Sơn | Đại Học Sài Gòn | Phản biện 2 | Thiết kế đồ họa |
| 4 | ThS. Nguyễn Văn Quý | Đại học Mỹ thuật TP. HCM | Ủy viên | Thiết kế đồ họa |
| 5 | PGS.TS Hoàng Minh Phúc | Đại học Mỹ thuật TP. HCM | Thư ký | Thiết kế đồ họa |
| 1 | PGS.TS Trần Nam Tiến | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM | Chủ tịch | Quốc tế học |
| 2 | PGS.TS Ngô Minh Oanh | Đại học Sư Phạm TP.HCM | Phản biện 1 | Quốc tế học |
| 3 | TS Trần Nguyên Khang | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM | Phản biện 2 | Quốc tế học |
| 4 | ThS Hà Thanh | Sở ngoại vụ Bình Dương | Ủy viên | Quốc tế học |
| 5 | TS Lê Tùng Lâm | Đại học Sài Gòn | Thư ký | Quốc tế học |

| | | | | |
|---|-------------------------------|--|-------------|-------------------------------------|
| 1 | PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp | Đại học Thủ Dầu Một | Chủ tịch | Văn học |
| 2 | PGS.TS. Đoàn Lê Giang | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM | Phản biện 1 | Văn học |
| 3 | PGS.TS. Bùi Thanh Truyền | Đại học Sư Phạm TP.HCM | Phản biện 2 | Văn học |
| 4 | TS. Tạ Anh Thư | Đại học Thủ Dầu Một | Ủy viên | Văn học |
| 5 | TS. Nguyễn Thị Kim Tiến | Đại học Thủ Dầu Một | Thư ký | Văn học |
| 1 | PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh | Đại học Công nghiệp TP.HCM | Chủ tịch | Tâm lý học |
| 2 | TS. Huỳnh Văn Chân | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM | Phản biện 1 | Tâm lý học |
| 3 | TS. Trịnh Việt Then | Đại học Công nghiệp TP.HCM | Phản biện 2 | Tâm lý học |
| 4 | TS. Vũ Đình Bảy | Trường Cán bộ quản lý TP. HCM | Ủy viên | Tâm lý học |
| 5 | TS. Nguyễn Thị Minh | Học viện hành chính quốc gia TP. HCM | Thư ký | Tâm lý học |
| 1 | PGS.TS. Hà Nam Khánh Giao | Học viện Hàng không Việt Nam | Chủ tịch | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 2 | TS. Mai Thanh Loan | Đại học Kinh Tế TP.HCM | Phản biện 1 | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 3 | PGS. TS. Nguyễn Hải Quang | ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM | Phản biện 2 | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 4 | TS. Nguyễn Ngọc Duy Phuong | ĐH Quốc tế ĐHQG TPHCM | Ủy viên | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 5 | TS. Nguyễn Hán Khanh | ĐH Thủ Dầu Một | Thư ký | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, NGÀNH CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC
MÃ NGÀNH 7310401**

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày 20 tháng 2 năm 2019
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- Theo Quyết định số 130/QĐ - ĐHTDM ngày 15/2/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Chương trình đào tạo trình độ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Tâm lý học.

Hội đồng thẩm định có kết luận như sau:

| T T | Nội dung thẩm định | Nhận xét của thành viên Hội đồng | Kết luận (đạt hay không đạt yêu cầu) |
|----------------|---|--|---|
| 6 | Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo | Phù hợp với nhu cầu nhân lực địa phương và khu vực phía đang thực sự rất cần và thiếu. | Đạt |
| 7 | Mục tiêu của chương trình đào tạo | Cụ thể, rõ ràng từng tiêu chí, đảm bảo được chuẩn đầu ra của chương trình và vị trí việc làm cho người học như mong đợi. | Đạt |

| | | | |
|----|---|---|-----|
| 8 | Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ): - Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; - Thời lượng của từng học phần; | -Các học phần được sắp xếp đúng trình tự chuyên môn từ cơ bản đến nâng cao, từ chuyên môn ngành và liên ngành song song bổ trợ nhau để đạt chuẩn đầu ra như mong đợi. -Thời lượng từng học phần đúng theo quy định và phù hợp với nội dung bên trong. | Đạt |
| 9 | Thời lượng của chương trình đào tạo | Thời lượng của chương trình đào tạo: 4 năm (8 học kì) phù hợp với kết cấu chương trình và bảo đảm đạt đúng mục tiêu đào tạo. | Đạt |
| 10 | Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và tỉnh Bình Dương) | -Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra mong đợi. -Có các học phần liên ngành đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của khu vực Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. | Đạt |

2) Lấy biểu quyết

Góp ý khác: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh

TS. Nguyễn Thị Minh